

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN HƯNG ĐẠO – HÀ ĐÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

HÀ NỘI - 2024

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN HƯNG ĐẠO – HÀ ĐÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Đào Ngọc Sỹ	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Nguyễn Thị Mai Thu	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
3	Nguyễn Mạnh Thắng	Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
4	Nguyễn Công Minh	Phó Chủ tịch công đoàn	Thư ký	
5	Hoàng Thị Thu Hà	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên	
6	Nguyễn Thị Phụng	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên	
7	Nguyễn Thị Thu Trang	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên	
8	Trịnh Thị Hà	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên	
9	Trịnh Tuấn Hải	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên	
10	Nguyễn Thị Hải Yến	Tổ trưởng chuyên môn	Ủy viên	
11	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Tổ trưởng văn phòng	Ủy viên	
12	Phạm Thị Nguyên	Tổ phó văn phòng	Ủy viên	
13	Nguyễn Gia Giang	Trưởng ban thanh tra nhân dân	Ủy viên	
14	Đào Thị Luyến	Bí thư Đoàn	Ủy viên	
15	Nguyễn Kim Thủy	Nhân viên thiết bị	Ủy viên	
16	Trần Thu Hương	Nhân viên thiết bị	Ủy viên	
17	Hoàng Thị Hoài Thơ	Nhân viên kế toán	Ủy viên	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	2
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	14
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	14
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	16
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	22
Tiêu chí 1.5: Lớp học	25
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	28
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	31
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	33
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	36
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	38
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	41
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	42
Mở đầu	42
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	42
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	44
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	47
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	50

NỘI DUNG	Trang
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	52
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	53
Mở đầu	53
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	53
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	55
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	58
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	61
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	64
Tiêu chí 3.6: Thư viện	67
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	69
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	70
Mở đầu	70
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	70
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	73
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	77
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	77
Mở đầu	77
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	77
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	81
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	83
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	85
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	88
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	91
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	95
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	96
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	102
Phần IV. PHỤ LỤC	103
Bảng danh mục mã minh chứng	103

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ GHI ĐẦY ĐỦ	GHI CHÚ
1	BCH	Ban chấp hành	
2	BCHCD	Ban chấp hành công đoàn	
3	BGH	Ban Giám hiệu	
4	CLB	Câu lạc bộ	
5	CMHS	Cha mẹ học sinh	
6	CNTT	Công nghệ thông tin	
7	CSDL	Cơ sở dữ liệu	
8	CSVC	Cơ sở vật chất	
9	GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo	
10	GV	Giáo viên	
11	GVBM	Giáo viên bộ môn	
12	HS	Học sinh	
13	NV	Nhân viên	
14	PHT	Phó Hiệu trưởng	
15	SGK	Sách giáo khoa	
16	SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm	
17	TDTT	Thể dục thể thao	
18	TĐG	Tự đánh giá	
19	THCS	Trung học cơ sở	
20	THPT	Trung học phổ thông	
21	TNCS	Thanh niên cộng sản	
22	TTCM	Tổ trưởng chuyên môn	
23	UBND	Ủy ban nhân dân	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

(đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	-----
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X	X	
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	-----
Tiêu chí 1.8		X	X	-----
Tiêu chí 1.9		X	X	-----
Tiêu chí 1.10		X	X	-----
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	-----
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	-----
Tiêu chí 5.4		X	X	-----
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả:

- Mức độ 1: số tiêu chí đạt 28/28 (**100%**)
- Mức độ 2: số tiêu chí đạt 28/28 (**100%**)
- Mức độ 3: số tiêu chí đạt 11/20 (55%).

1.2. Đánh giá tiêu chí mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22		X	
Khoản 2, Điều 22		X	

Khoản 3, Điều 22	X		
Khoản 4, Điều 22		X	
Khoản 5, Điều 22	X		
Khoản 6, Điều 22		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4.

2. Kết luận: Trường đạt Mức độ 2

Phần I**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): **Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo – Hà Đông**

Tên trước đây (nếu có): Phổ thông trung học Kỹ thuật Bắc Thanh Oai; Phổ thông trung học Trần Hưng Đạo

Cơ quan chủ quản: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương	Hà Nội
Huyện/quận /thị xã	Hà Đông
Xã / phường/thị trấn	Phú Lãm
Đạt chuẩn quốc gia	2013
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1985
Công lập	Công lập
Tư thục	
Trường chuyên biệt	
Trường liên kết với nước ngoài	

Họ và tên hiệu trưởng	Đào Ngọc Sỹ
Điện thoại	02433531901
Fax	
Website	thpttranhungdaohd.hanoi.edu.vn
Số điểm trường	
Loại hình khác	
Thuộc vùng khó khăn	
Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học				
	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022- 2023	2023 - 2024
Khối lớp 10	14	15	15	16	17
Khối lớp 11	14	14	15	15	16
Khối lớp 12	11	14	14	15	15
Cộng	39	43	44	46	48

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học					Ghi chú
		2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022- 2023	2023 - 2024	
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	34	34	34	34	34	
1	Phòng học	28	28	28	28	28	
A	Phòng kiên cố	28	28	28	28	28	
B	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
C	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	8	8	8	8	8	
A	Phòng kiên cố	8	8	8	8	8	
B	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
C	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phòng phục vụ học tập	8	8	8	8	8	

TT	Số liệu	Năm học					Ghi chú
		2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022- 2023	2023 - 2024	
A	Phòng kiên cố	8	8	8	8	8	
B	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
C	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	9	9	9	9	9	
1	Phòng kiên cố	9	9	9	9	9	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	1	1	1	1	1	
	Cộng	45	45	45	45	45	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1					1	
Phó hiệu trưởng	2	1				2	
Giáo viên	76	68	1		41	35	
Nhân viên	10	5			10		

Cộng	89	74	1		51	38	
-------------	-----------	-----------	----------	--	-----------	-----------	--

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học				
		2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024
1	Tổng số GV	76	80	79	83	86
2	Tỷ lệ GV/lớp	1.95	1.86	1.80	1.80	1.79
3	Tỷ lệ GV/HS	0.05	0.04	0.04	0.04	0.04
4	Tổng số GV dạy giỏi cấp quận hoặc tương đương trở lên (nếu có)	3	3	3	3	3
5	Tổng số GV dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	0	0	0	0	1

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học					
		2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022- 2023	2023 - 2024	Ghi chú
1	Tổng số HS	1512	1785	1859	1978	2134	
	- Nữ	792	917	950	998	1051	
	- Dân tộc thiểu số	3	5	10	11	16	
	- Khối lớp 10	570	660	654	684	784	
	- Khối lớp 11	565	563	644	653	695	
	- Khối lớp 12	377	562	561	640	655	
2	Tổng số tuyển mới	602	683	651	686	784	

3	Bình quân số HS/lớp	38.77	41.51	42.25	43.00	44.46	
4	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi						
	- Nữ	792	917	950	998	1051	
	- Dân tộc thiểu số	03	05	10	11	16	
5	Tổng số HS giỏi cấp quận/tỉnh (nếu có)	4	5	5	56	80	
6	Tổng số HS giỏi quốc gia (nếu có)						
7	Tổng số HS thuộc đối tượng chính sách	5	23	23	19	29	
	- Nữ	5	9	12	11	15	
	- Dân tộc thiểu số	0	0	0	1	2	
8	Tổng số HS (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt						

b) Kết quả giáo dục (đối với trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học)

Số liệu	Năm học					Ghi chú
	2019 - 2020	2020- 2021	2021- 2022	2022- 2023	2023 - 2024	
Tỷ lệ HS xếp loại giỏi	55.03	62.35	67.67	88.63	99.24	
Tỷ lệ HS xếp loại khá	43.78	36.69	31.9	11.21	0.61	
Tỷ lệ HS xếp loại yếu, kém	0	0	0.05	0	0	
Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm tốt	93.12	94.57	95.54	96.8	99.38	

Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm khá	6.75	5.27	4.25	3.17	0.46	
Tỷ lệ HS xếp loại hạnh kiểm trung bình	0.13	0.11	0.05	0	0.15	
Tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS (THPT)	98.69	99.47	99.64	100		

Từ năm học 2022-2023 thực hiện chương trình GDPT 2018, đánh giá xếp loại học sinh được thực hiện theo thông tư 22, kết quả cụ thể như sau:

Số liệu	Năm học		Ghi chú
	2022- 2023	2023 - 2024	
Tỷ lệ HS xếp loại học tập tốt	81.31	95.99	
Tỷ lệ HS xếp loại học tập khá	18.54	3.94	
Tỷ lệ HS xếp loại học tập đạt, chưa đạt	0.15	0.07	
Tỷ lệ HS xếp loại rèn luyện tốt	95.04	98.8	
Tỷ lệ HS xếp loại rèn luyện khá	4.96	1.09	
Tỷ lệ HS xếp loại rèn luyện đạt, chưa đạt	0	0.07	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông được thành lập tháng 8 năm 1985 theo quyết định số 553 của UBND tỉnh Hà Sơn Bình. Ngày đầu thành lập trường mang tên PTTH Kỹ thuật Bắc Thanh Oai, học nhờ mặt bằng của Hợp tác xã sơn mài Huyền Kỳ thuộc xã Phú Lãm, huyện Thanh Oai. Năm 1987, trường được UBND tỉnh Hà Sơn Bình giao 11.280m² đất tại thôn Quang Lãm, xã Phú Lãm, huyện Thanh Oai để xây dựng trường. Cũng năm này, trường được UBND huyện Thanh Oai và Sở GD&ĐT Hà Tây đổi tên thành Trường PTTH Trần Hưng Đạo. Sau hai lần thay đổi địa giới hành chính, tới năm 2008 trường mang tên THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông.

Trường nằm tại số 157 phố Xóm, phường Phú Lãm, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Nhiệm vụ của nhà trường là giáo dục học sinh cấp Trung học phổ thông cho thành phố Hà Nội, trong đó chủ yếu là học sinh trên địa bàn quận Hà Đông và một số học sinh thuộc các quận, huyện khác trên địa bàn Hà Nội.

Trường hiện có khu phòng học 3 tầng kiên cố với 28 phòng học; có khu Thực hành bộ môn 4 tầng với các phòng thực hành đạt chuẩn, có nhà tập đa năng, Thư viện, phòng Truyền thống; có khu sân chơi cho học sinh phía trước và sau khu phòng học; Khu Hiệu bộ đảm bảo các phòng làm việc cho Ban giám hiệu, các phòng chuyên môn.

Hiện tại, Ban giám hiệu nhà trường có 3 đồng chí; giáo viên nhà trường có 76 đồng chí, nhân viên có 10 đồng chí với trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn; các tổ chức chính trị, xã hội trong nhà trường đảm bảo đúng quy định và hoạt động theo Điều lệ. Trường đã được công nhận Trường trung học đạt chuẩn quốc gia cấp độ I năm học 2013, cấp độ I năm 2020.

2. Mục đích TĐG

Tự đánh giá là quá trình nhà trường tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT

ban hành nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và để đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục, đăng ký công nhận chuẩn quốc gia.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Thực hiện Công văn số 519/SGDDĐT-KHTC ngày 26/02/2024 của Sở GD&ĐT Hà Nội về việc xây dựng trường chuẩn quốc gia năm 2024 các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc, trường THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông đã tiến hành tự đánh giá chất lượng theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường THPT ban hành kèm theo Thông tư Số: 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22 tháng 8 năm 2018 và văn bản Số: 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28 tháng 12 năm 2018, về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hội đồng tự đánh giá của nhà trường được thành lập theo quyết định số 88/QĐ-THĐ-HĐ ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Hiệu trưởng trường THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông gồm 17 thành viên trong hội đồng giáo dục có trách nhiệm và có năng lực cùng cộng tác để hoàn thành công tác tự đánh giá.

Quá trình tự đánh giá của nhà trường được thực hiện đúng quy trình mà Bộ GD&ĐT đã hướng dẫn, gồm 7 bước:

1. Thành lập hội đồng tự đánh giá.
2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.
7. Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá.

Tất cả các bước trên đều thực hiện đúng hướng dẫn, đảm bảo tính dân chủ, công khai và khoa học. Đề báo cáo tự đánh giá đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan, Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành đánh giá bằng nhiều phương pháp khác nhau, trong đó chủ yếu bằng phương pháp khảo sát thực tế tất cả các mặt hoạt động của nhà trường liên quan đến nội dung của bộ tiêu chuẩn; sưu tầm thông tin, minh chứng, so sánh, đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan. Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường đã sử dụng nhiều công cụ khác nhau như:

Tiêu chuẩn đánh giá trường trung học để làm cơ sở cho việc tiến hành tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường, máy vi tính, máy in, máy photocopy, mạng Internet để khai thác thông tin, minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá. Hội đồng tự đánh giá đã tiến hành sưu tầm thông tin, tìm minh chứng, so sánh đối chiếu và phân tích các dữ liệu có liên quan, sau đó đối chiếu với các tiêu chuẩn, tiêu chí của Tiêu chuẩn đánh giá trường trung học, trên cơ sở đó phân tích, đánh giá các điểm mạnh và những tồn tại để làm căn cứ đề xuất các kế hoạch khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu: Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông được thành lập từ năm 1985. Từ đó đến nay, cơ cấu tổ chức nhà trường đã hoàn thiện theo đúng quy định. Tổ chức Đảng lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể quần chúng trong trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao, hoạt động trong khuôn khổ của điều lệ trường trung học, tuân thủ pháp luật. Đảng bộ đã làm tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo trong nhà trường. Ban giám hiệu có đủ cơ sở theo quy định, đã và đang tích cực thực hiện công tác quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn dạy và học.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030. Chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của quận Hà Đông theo giai đoạn 2020 – 2025, 2025 - 2030 và các nguồn lực của nhà trường như nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất [H1-1.1-01].

Từ ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên và trên cơ sở các nguồn lực, nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030 bằng văn bản. Chiến lược 2020 – 2025, tầm nhìn 2030 được trình lên Sở GD&ĐT Hà Nội và đã được phê duyệt [H1-1.1-02].

Chiến lược đã được niêm yết công khai tại nhà trường, đăng tải trên trang web của trường để cán bộ, giáo viên, nhân viên cùng học sinh và cha mẹ học sinh được biết. Tuy nhiên, chiến lược chưa được đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của quận Hà Đông và trang thông tin điện tử của Sở GD&ĐT Hà Nội [H1-1.1-03].

Mức 2:

Hằng năm, trong các cuộc họp của Hội đồng trường có đánh giá việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển của nhà trường [H1-1.2-02]. Tuy nhiên nội dung của hoạt động này lưu lại bằng văn bản còn thiếu chi tiết, thiếu cụ thể.

Mức 3:

Sau mỗi năm học, căn cứ vào kết quả đạt được của nhà trường, các thành viên của Hội đồng trường đề xuất ý kiến để bổ sung, điều chỉnh cho chiến lược phát triển của nhà trường [H1-1.2-02]. Đầu mỗi năm học mới, chiến lược phát triển của nhà trường được công khai, lấy ý kiến bổ sung, đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và cha mẹ học sinh nhà trường. Tuy nhiên, việc đóng góp ý kiến chưa thường xuyên, chưa đạt hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng chiến lược bằng văn bản, đã công khai tới mọi thành viên trong nhà trường. Chiến lược 2020 – 2025, tầm nhìn 2030 của nhà trường đã được Sở GD&ĐT Hà Nội phê duyệt.

3. Điểm yếu

Việc tham gia đóng góp ý kiến để xây dựng chiến lược của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh chưa đạt hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Lập kế hoạch và triển khai lấy ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh để bổ sung chiến lược giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030 cho phù hợp với sự phát triển của nhà trường, đáp ứng các yêu cầu về thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018. Công khai chiến lược đã bổ sung trên trang web, fanpage nhà trường.	Đầu năm học 2024 - 2025	Hiệu trưởng chủ trì; giáo viên, ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường phối hợp.	Không

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-		-	-
c	Đạt	-		-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường được thành lập, đủ thành phần theo quy định tại thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và được Sở GD&ĐT Hà Nội ra quyết định công nhận [H1-1.2-01]. Các hội đồng khác được thành lập và hoạt động theo năm học như: hội đồng tuyển sinh vào lớp 10 theo quyết định của Sở GD&ĐT Hà Nội; các hội đồng tư vấn theo quyết định của hiệu trưởng: Hội đồng lương, hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng lựa chọn sách giáo khoa theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 [H1-1.2-02].

Các Hội đồng trong nhà trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Điều lệ trường trung học. Hội đồng trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn: Quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch, quy chế hoạt động và phương hướng phát triển của nhà trường để trình Sở GD&ĐT phê duyệt; Quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường; Giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường; Giám sát các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-03]. Hội đồng tuyển sinh vào lớp 10 thực hiện theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn tuyển sinh của Sở GD&ĐT Hà Nội. Các hội đồng khác thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của hiệu trưởng: Hội đồng lương xét duyệt nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn cho giáo viên, nhân viên. Hội đồng thi đua khen thưởng xét duyệt, xếp loại thi đua với giáo viên, nhân viên, học sinh. Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa tổng hợp ý kiến từ các tổ, nhóm chuyên môn đề xuất với Sở GD&ĐT về việc lựa chọn sách giáo khoa cho chương trình giáo dục phổ thông 2018 [H1-1.2-04].

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác được định kỳ rà soát, đánh giá khi tổng kết năm học, chưa đánh giá theo học kỳ. Qua việc rà soát, các hội đồng rút kinh nghiệm để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động [H1-1.2-03].

Mức 2:

Hội đồng trường và các hội đồng khác hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường [H1-1.2-05]. Hằng năm học sinh khối 12 tốt nghiệp đạt tỷ lệ trên 99%, kết quả học lực và hạnh kiểm của học sinh năm sau cao hơn năm trước, điểm tuyển sinh vào lớp 10 đã tăng lên theo từng năm học [H1-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập, thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đúng theo Điều lệ trường trung học, hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác được đánh giá theo năm học, chưa đánh giá theo từng học kỳ nên chưa được điều chỉnh kịp thời với một số hoạt động của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Đưa việc đánh giá hoạt động của Hội đồng trường và các hội đồng khác vào vào nội dung Sơ kết từng học kỳ	Năm học 2024-2025	Hiệu trưởng chủ trì; thành viên của các hội đồng phối hợp; thư ký hội đồng trường trực tiếp thực hiện	Có số liệu thể hiện hiệu quả hoạt động của hội đồng trường và các hội đồng khác

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1	Mức 2	Mức 3
-------	-------	-------

Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt			

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong chu kỳ tự đánh giá, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định tại thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học: Công đoàn có Ban chấp hành được bầu trong Đại hội nhiệm kỳ 2023 – 2028 và được BCHCD ngành giáo dục Hà Nội ra quyết định chuẩn y gồm 5 đồng chí. Các công đoàn viên sinh hoạt tại 07 tổ công đoàn, mỗi tổ công đoàn có 01 tổ trưởng công đoàn [H1-1.3-01]. Đoàn TNCS nhà trường có Ban chấp hành được Đại hội đoàn trường bầu theo năm học và được Quận đoàn Hà Đông ra quyết định chuẩn y, gồm 15 giáo viên và học sinh. Tính đến tháng 3 năm 2024 Đoàn trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông có 48 chi đoàn học sinh và 1 chi đoàn giáo viên [H1-1.3-02]. Hội Chữ thập đỏ có Ban chấp hành được Hội Chữ thập đỏ quận Hà Đông ra quyết định chuẩn y [H1-1.3-03].

Các đoàn thể và tổ chức hoạt động theo quy định của pháp luật và theo quy định của Điều lệ của từng tổ chức: Công đoàn hoạt động theo Luật và Điều lệ Công đoàn [H1-1.3-04], Đoàn TNCS Hồ Chí Minh được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Đoàn [H1-1.3-05], các hoạt động của Hội Chữ thập đỏ theo hướng dẫn của Hội Chữ thập đỏ quận Hà Đông [H1-1.3-06], nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu giáo dục.

Hàng năm, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có rà soát, đánh giá các mặt hoạt động của tổ chức mình để rút kinh nghiệm và đề ra kế hoạch phù hợp cho các năm tiếp theo đồng thời làm cơ sở đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá, xếp loại, khen thưởng [H1-1.3-07].

Mức 2:

Tổ chức đảng nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định của điều lệ đảng. Năm 2021 Chi bộ đảng được Quận ủy Hà Đông ra quyết định chuyển thành Đảng bộ gồm 3 chi bộ trực thuộc, chuyển cấp ủy Chi bộ thành cấp ủy Đảng bộ với 1 bí thư, 1 phó bí thư, 3 đảng ủy viên [H1-1.3-08]. Đảng bộ chỉ đạo, lãnh đạo nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị bằng chủ trương, nghị quyết. Tính đến tháng 3 năm 2024 Đảng bộ có 54 đảng viên sinh hoạt tại 3 chi bộ. Mỗi chi bộ có cấp ủy gồm 3 đồng chí, được Đại hội chi bộ bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín [H1-1.3-09]. Chi bộ sinh hoạt thường kỳ 1 lần/tháng và sinh hoạt bất thường khi có chỉ đạo của cấp ủy. Trong các năm liên tiếp từ 2019 đến 2023 đều được quận ủy Hà Đông đánh giá là Tổ chức cơ sở đảng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” [H1-1.3-10].

Công đoàn, Đoàn TNCS, hội Chữ thập đỏ hằng năm đều tích cực phối kết hợp với nhà trường, đóng góp hiệu quả cho hoạt động dạy và học, hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.3-11]. Công đoàn góp phần quan trọng trong giữ vững khối đoàn kết trong công đoàn viên. Đoàn TNCS tổ chức nhiều hoạt động giáo dục cho học sinh. Hội Chữ thập đỏ phối hợp với nhà trường tổ chức nhiều hoạt động thiện nguyện giúp đỡ giáo viên, học sinh có hoàn cảnh khó khăn [H1-1.3-06].

Mức 3:

Chi bộ (từ 2019 đến 2021) và đảng bộ (từ 2021 đến hết 2023) nhà trường được quận ủy Hà Đông đánh giá, xếp loại Tổ chức cơ sở đảng Hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-10]. Chưa được xếp loại Tổ chức cơ sở đảng Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Công đoàn, Đoàn TNCS, hội Chữ thập đỏ đều tích cực phối kết hợp với nhà trường, đóng góp hiệu quả cho hoạt động dạy và học, hoạt động giáo dục và nhiều hoạt động hữu ích cho cộng đồng [H1-1.3-11]. Hằng năm, Công đoàn, Đoàn TNCS, hội Chữ thập đỏ tuyên truyền, vận động giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và học sinh quyên góp ủng hộ để làm các chương trình thiện nguyện giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn tại địa phương, hỗ trợ nhân dân vùng bị thiên tai, hỗ trợ giáo dục vùng khó khăn. Đoàn TNCS kết hợp với Đoàn phường Phú Lãm tổ chức nhiều buổi tổng vệ sinh nghĩa trang liệt sĩ, bóc xé biển quảng cáo khu vực đường phố trên tuyến quốc lộ 21B, tham gia tình nguyện trong các mùa thi [H1-1.3-06].

2. Điểm mạnh

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, hội Chữ thập đỏ của nhà trường có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ trường trung học. Các tổ chức đóng góp có hiệu quả cho mọi hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

3. Điểm yếu

Đảng bộ nhà trường từ khi được quận ủy Hà Đông công nhận tới thời điểm tự đánh giá (tháng 4 năm 2024), chưa được xếp loại là Tổ chức cơ sở đảng Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Đưa vào nghị quyết của đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030 về việc xây dựng đảng bộ có năm đạt tiêu chuẩn tổ chức cơ sở đảng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	Năm học 2024 – 2025 (trong đại hội nhiệm kỳ 2025 – 2030)	Bí thư đảng ủy chủ trì; cấp ủy chỉ đạo; đảng viên trong đảng bộ thực hiện	Bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đảng cho các đồng chí trong cấp ủy. Hạn chế tối đa các công tác kiêm nhiệm cho các đồng chí đảng ủy viên, chi ủy viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường hiện có hiệu trưởng [H1-1.4-01] và 02 phó hiệu trưởng [H1-1.4-02] được bổ nhiệm đúng tiêu chuẩn trong Điều lệ trường trung học và đảm bảo số lượng theo Thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

Nhà trường có 6 tổ chuyên môn: tổ Toán, tổ Lý - Hóa - Công nghệ, Tổ Sử - Địa - GDCD, tổ Sinh - GDTC - GDQP, tổ Ngữ Văn, tổ Ngoại ngữ -Tin học và tổ Văn phòng. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng sinh hoạt trong các tổ chuyên môn theo môn dạy. Tổ Văn phòng bao gồm các nhân viên: Kế toán, bảo vệ, y tế, văn thư kiêm thủ quỹ [H1-1.4-03]. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng đều có 1 tổ trưởng, 1 tổ phó, được hiệu trưởng ra quyết định bổ nhiệm theo năm học trên cơ sở lấy ý kiến tín nhiệm từ tổ viên [H1-1.4-04].

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động xây dựng theo năm học [H1-1.4-05]. Các tổ chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng và thực hiện kế hoạch hoạt động chung của tổ theo năm học và từng tháng; Xây dựng và thực hiện Kế hoạch giảng dạy và các hoạt động giáo dục khác theo kế hoạch chung của nhà trường; Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ; Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên của tổ theo quy định của chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học và các quy định khác hiện hành [H1-1.4-06]; Đề xuất lựa chọn sách giáo khoa [H1-1.4-07]; thực hiện các nhiệm vụ khác do hiệu trưởng phân công. Tổ Văn phòng thực hiện các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công; giúp hiệu trưởng

thực hiện quản lý tài chính, tài sản, bảo vệ, thực hiện công tác văn thư; quản lý hồ sơ lưu trữ của nhà trường; đáp ứng các yêu cầu để phục vụ tốt cho hoạt động dạy học của nhà trường; tham gia bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia đánh giá xếp loại viên chức, người lao động [H1-1.4-08].

Mức 2:

Hằng năm, các tổ chuyên môn lập kế hoạch thực hiện hoạt động chuyên đề nhằm nâng cao chất lượng chuyên môn cho giáo viên và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường [H1-1.4-09]. Trong mỗi năm học, mỗi tổ chuyên môn thực hiện 01 chuyên đề cấp trường. Các chuyên đề này không chỉ đạt hiệu quả chuyên môn mà còn có ý nghĩa giáo dục lớn đối với học sinh.

Trong cuộc họp chuyên môn hằng tháng, hoạt động của các tổ chuyên môn, tổ văn phòng được rà soát, đánh giá và rút kinh nghiệm, từ đó điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế [H1-1.4-10].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng đã góp phần quan trọng nâng cao chất lượng mọi hoạt động của nhà trường, chất lượng dạy học của giáo viên, chất lượng học tập của học sinh, quy mô và chất lượng các hoạt động ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm hướng nghiệp [H1-1.4-11]. Tổ văn phòng phục vụ có hiệu quả các hoạt động chuyên môn, hoạt động giáo dục, đóng góp cho quá trình nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.4-12]. Qua đó vị thế của nhà trường được nâng cao trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn quận Hà Đông, ngày càng được cha mẹ học sinh lựa chọn làm nguyện vọng đăng ký trong các kỳ tuyển sinh vào lớp 10 [H1-1.2-13].

Các tổ chuyên môn thực hiện chuyên đề cấp trường vừa đảm bảo tính khoa học chuyên ngành vừa hấp dẫn, sinh động và có tính giáo dục cao [H1-1.4-12]. Tuy nhiên các chuyên đề cấp tổ ở các tổ ghép môn chưa được thực hiện đồng đều ở các môn học về số lượng, chất lượng.

2. Điểm mạnh

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức và kế hoạch hoạt động theo quy định. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện chuyên đề chuyên môn chưa đồng đều về số lượng, chất lượng với các bộ môn ở các tổ ghép môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Nâng cao chất lượng các chuyên đề chuyên môn cấp tổ. Đảm bảo các nhóm chuyên môn đều thực hiện chuyên đề	Trong năm học 2024 - 2025	PHT phụ trách chuyên môn chỉ đạo trực tiếp; các tổ trưởng, tổ phó chuyên môn phối hợp; các tổ chuyên môn thực hiện	Đưa yêu cầu thực hiện chuyên đề đối với tất cả các nhóm chuyên môn vào kế hoạch giáo dục của nhà trường. Tính vào điều kiện xét thi đua cuối năm đối với nhóm, tổ chuyên môn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Theo từng năm học, nhà trường luôn đảm bảo đủ 3 khối lớp 10, 11, 12 của cấp học THPT [H1-1.5-01].

Học sinh trong trường được biên chế theo đơn vị lớp học. Các lớp trong trường được tổ chức theo Điều lệ trường trung học: đầu các năm học, học sinh từng lớp bầu ra 01 lớp trưởng, 02 lớp phó. Học sinh các lớp được chia thành 04 tổ, mỗi tổ có 01 tổ trưởng, 01 tổ phó do các thành viên của tổ bầu ra [H1-1.5-02].

Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. Với sự hỗ trợ của giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, lớp trưởng cùng đội ngũ cán bộ lớp quản lý tài sản trên phòng học, cùng các thành viên trong lớp quản lý việc học tập, lao động, tham gia các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức [H1-1.5-02]. Hằng tuần, trong giờ sinh hoạt lớp, học sinh tự đánh giá, nhận xét, xếp loại thi đua của các thành viên và các tổ đồng thời đề ra kế hoạch thực hiện các hoạt động của tuần học tiếp theo [H1-1.5-03].

Mức 2:

Năm học 2022 – 2023 nhà trường có 46 lớp, năm học 2023 – 2024 có 48 lớp, chưa đúng Điều lệ trường trung học. Có lớp sĩ số trên 45 em, do đáp ứng nguyện vọng của học sinh trong tự chọn môn học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018 [H1-1.5-04].

Mức 3:

Từ năm học 2019 – 2020 đến 2023 - 2024, sĩ số học sinh của nhiều lớp trên 45 em, không đảm bảo dưới 45 học sinh/lớp theo quy định Điều lệ trường trung học [H1-1.5-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các lớp của cấp học THPT. Các lớp được tổ chức theo quy định, hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

3. Điểm yếu

Từ khi thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 số lớp học vượt quá 45 lớp, nhiều lớp sĩ số trên 45 em.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
- Đề xuất Sở GD&ĐT Hà Nội giao chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 đúng theo Điều lệ trường trung học - Định hướng môn học lựa chọn cho học sinh phù hợp với điều kiện của nhà trường và khả năng của học sinh.	Trong năm học 2024 - 2025	Hiệu trưởng chỉ đạo; các PHT phụ trách; Ban tuyển sinh trực tiếp thực hiện	Được Sở GD&ĐT Hà Nội nhất trí về chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 tối đa là 675 học sinh/năm học

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Không đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	

Đạt	Không đạt	Không đạt
-----	-----------	-----------

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có lưu trữ đủ các hồ sơ, văn bản theo quy định: Các văn bản đi, đến được lưu trữ trong hồ sơ văn thư [H1-1.6-01]. Những hồ sơ liên quan đến công tác giảng dạy và giáo dục đạo đức được lưu trữ tại Văn phòng nhà trường. Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục lưu trữ tại phòng Thiết bị [H1-1.6-02]. Sổ quản lý tài chính lưu trữ tại phòng Kế toán [H1-1.6-03]. Hồ sơ quản lý thư viện lưu trữ tại Thư viện [H1-1.6-04]. Hồ sơ theo dõi sức khỏe học sinh được lưu trữ tại phòng Y tế [H1-1.6-05]. Tuy nhiên, từ khi thành lập đến nay nhà trường có thay đổi địa điểm, xây dựng cơ bản nhiều lần nên một số hồ sơ lưu trữ bị rách nát,

ổ màu.

Các hoạt động tài chính được thực hiện đúng theo quy định, có lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản. Thực hiện đúng các quy định về 3 công khai trên trang web nhà trường. Các khoản thu nhập của cán bộ, giáo viên, nhân viên được thông báo rõ trên tài khoản cá nhân [H1-1.6-02]. Thực hiện kiểm kê tài sản 1 lần/6 tháng, có sự giám sát của thanh tra nhân dân [H1-1.4-08]. Từng năm, sau khi được Sở GD&ĐT giao dự toán tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ được công khai lấy đóng góp từ các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, thông qua ý kiến cán bộ, giáo viên, nhân viên để điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế, các quy định hiện hành [H1-1.6-03].

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích, đúng theo dự toán đã được Sở GD&ĐT phê duyệt hằng năm. Có xây dựng quy chế sử dụng tài sản công [H1-1.6-07], đưa nội dung quản lý sử dụng tài sản, trang thiết bị vào kiểm tra nội bộ. Việc quản lý, sử dụng tài chính đúng quy định đã tạo điều kiện tốt về cơ sở vật chất, nguồn lực hiệu quả phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.6-08].

Mức 2:

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường [H1-1.6-09]. Phần mềm csdl.hanoi.edu.vn được sử dụng quản lý hồ sơ giáo viên, học sinh trong dạy và học; phần mềm quản lý cơ sở vật chất được cập nhật thường xuyên để quản lý chặt chẽ tài sản; các phần mềm kế toán được sử dụng để quản lý, sử dụng tài chính phục vụ mọi hoạt động của nhà trường [H1-1.6-10].

Trong 05 năm liên tiếp, từ năm học 2019 – 2020 đến hết năm học 2023 – 2024, nhà trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra [H1-1.6-11].

Mức 3:

Từ thực tế kinh tế xã hội trên địa bàn phường Phú Lãm, quận Hà Đông, nhà trường chưa có các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp. Hiện tại, nhà trường chỉ nhận, đưa vào sử dụng có hiệu quả những quà tặng từ cha mẹ học sinh đang học tại trường, từ các thể hệ học sinh đã ra trường [H1-1.6-09].

2. Điểm mạnh

Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ đúng theo quy định. Các hoạt động quản lý tài chính, tài sản thực hiện đúng quy định của các cấp và phục vụ có hiệu quả cho hoạt động giáo dục.

3. Điểm yếu

Trong quá trình lưu trữ, một số hồ sơ bị rách nát, ố màu.

Nhà trường chưa có các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Bổ trí thêm các tủ sắt, sắp xếp vị trí tại nơi khô ráo để lưu trữ hồ sơ cho đảm bảo an toàn và đảm bảo được chất lượng các hồ sơ	Trong năm học 2024 - 2025	Phó hiệu trưởng phụ trách CSVC chỉ đạo; tổ văn phòng thực hiện	Sau khi hoàn thành gói cải tạo sửa chữa chống xuống cấp năm 2024
Nghiên cứu các hướng dẫn của các cấp về tạo nguồn tài chính hợp pháp và tìm hiểu các cơ quan, tổ chức, cá nhân quan tâm đến công tác giáo dục có khả năng hỗ trợ nhà trường trong việc tạo nguồn tài chính hợp pháp.	Trong năm học 2024 - 2025	Hiệu trưởng chỉ đạo; nhân viên kế toán tham mưu; giáo viên, nhân viên phối hợp thực hiện	Xây dựng mối quan hệ tốt với Ban đại diện CMHS, Hội cựu học sinh, các doanh nghiệp trên địa bàn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp, đúng quy định, phục vụ cho hoạt động giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

- a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;
- b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;
- c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Xác định trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên là một yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng giáo dục, hằng năm nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01]. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức bồi dưỡng thường xuyên tại đơn vị thông qua việc tổ chức sinh hoạt chuyên đề [H1-1.4-09]. Tuy nhiên, có chuyên đề chưa đem lại hiệu quả cao trong việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Nhà trường còn vận động để mỗi thành viên tự bồi dưỡng kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, kiến thức xã hội để phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp của bản thân [H1-1.7-02]

Căn cứ các quy định của các cấp có thẩm quyền về nghĩa vụ, trách nhiệm, quyền lợi của viên chức, nhà trường đã xây dựng Quy chế làm việc, quy định rõ nhiệm vụ của từng vị trí việc làm [H1-1.7-03]. Trên cơ sở đó, đầu các năm học, hiệu trưởng xem xét đề xuất của các tổ chuyên môn, phân công nhiệm vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo đúng quy định của các văn bản pháp quy, phù hợp với trình độ, năng lực, hoàn cảnh của từng cá nhân [H1-1.7-04]. Tùy điều kiện thực tế, lãnh đạo nhà trường có những điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện xã hội tại địa phương, điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ giảng dạy, góp phần quan trọng đảm bảo có hiệu quả cho mọi hoạt động [H1-1.7-05].

Các cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong trường đều được tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ, được hưởng mọi quyền lợi về vật chất và tinh thần theo Điều lệ trường trung học, cụ thể: Được khám sức khoẻ định kỳ 1 lần/năm [H1-1.7-06]; Được tham gia quản lý nhà trường thông qua các tổ chuyên môn [H1-1.4-10]; Được hưởng đủ lương, phụ cấp [H1-1.7-07] và được cử đi học, đi bồi dưỡng, tham dự các hội nghị chuyên đề để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định hiện hành; Được bảo vệ nhân phẩm, danh dự, an toàn thân thể; Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.7-08].

Mức 2:

Hằng năm, trong kế hoạch Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên của nhà trường đều đề ra nhiệm vụ nâng cao nghiệp vụ quản lý, trình độ chuyên môn cho đội ngũ [H1-1.7-01]. Tính đến tháng 4 năm 2024 nhà trường đã có 38 đồng chí đạt trình độ trên chuẩn (chiếm tỷ lệ 42,69 %) và có 10 đồng chí hoàn thành chương trình Trung cấp lý luận chính trị. Từ năm học 2019 – 2020 cho đến hết 2023 – 2024 nhà trường đã sắp xếp thời gian, tạo điều kiện về thời khóa biểu để 9 đồng chí theo học và hoàn thành chương trình sau Đại học, 01 đồng chí giáo viên đang theo học Trung cấp lý luận chính trị. Nhà trường chú trọng tới việc biểu dương, khen ngợi kịp thời gương người tốt, việc tốt, ghi nhận những đóng góp của mỗi cá nhân, bộ phận, tổ chức đoàn thể cho sự phát triển chung [H1-1.7-09], [H1-1.7-10].

2. Điểm mạnh

Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo đúng quy định. Việc phân công,

sử dụng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý, phát huy được năng lực cá nhân.

3. Điểm yếu

Còn có chuyên đề tổ, nhóm chuyên môn triển khai để bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ chưa đạt hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Tổ chức dự các giờ sinh hoạt chuyên đề của các tổ, nhóm chuyên môn; có đánh giá, rút kinh nghiệm sau mỗi chuyên đề.	Trong năm học 2024 - 2025	Hiệu trưởng, các phó hiệu trưởng; các tổ trưởng, tổ phó chuyên môn	Tiếp tục cộng đồng điểm thi đua cho người trực tiếp thực hiện chuyên đề

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, căn cứ Khung thời gian năm học của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học của Bộ GD&ĐT, Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học cấp THPT của Sở GD&ĐT Hà Nội nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục. Kế hoạch phù hợp với quy định hiện hành của các cấp có thẩm quyền, tình hình kinh tế, xã hội của quận Hà Đông và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01]. Trước năm học 2022-2023, Kế hoạch giáo dục của nhà trường nhằm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2006. Từ năm học 2022-2023 đến 2023 - 2024, Kế hoạch giáo dục của nhà trường vừa thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2006 vừa thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ theo từng học kỳ và cả năm học, được thực hiện qua việc dạy và học các môn học trong giờ học và được thực hiện qua các hoạt động ngoài giờ lên lớp [H1-1.4-11], như: tuyên truyền giáo dục pháp luật cho học sinh, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục nếp sống văn minh thanh lịch, các hoạt động ngoại khóa ngoài nhà trường; định hướng nghề nghiệp; giáo dục nghề phổ thông [H1-1.8-02]. Từ năm học 2022 – 2023, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, nhà trường còn thực hiện thêm trong thời khóa biểu của khối 11 và khối 10 nội dung giáo dục địa phương, trải nghiệm hướng nghiệp [H1-1.8-01]

Mỗi tháng căn cứ vào kế hoạch giáo dục, thực tế nhà trường để xây dựng kế hoạch trong tháng và triển khai tới giáo viên, nhân viên [H1-1.8-03]. Kế hoạch giáo dục được đánh giá theo từng tháng và được rà soát, điều chỉnh khi cần thiết, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế nhà trường. Những điều chỉnh được kịp thời thông báo đến giáo viên, nhân viên qua nhóm zalo nhà trường, nhóm zalo của ban chuyên môn để không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ, tiến độ thực hiện chung. Tuy nhiên, việc rà soát, đánh giá chưa được ghi chép cụ thể, riêng biệt bằng văn

bản, mới chỉ thể hiện chung trong nội dung biên bản họp lãnh đạo chủ chốt hằng tháng [H1-1.8-04].

Mức 2:

Nhà trường đã tự kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục thông qua công tác kiểm tra nội bộ mọi mặt hoạt động [H1-1.8-05]. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục theo từng năm học, được Sở GD&ĐT Hà Nội đánh giá đạt hiệu quả thông qua việc công nhận Tập thể lao động Tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc và qua các Giấy khen đối với các cá nhân, tập thể đạt thành tích cao của nhà trường [H1-1.8-06].

2. Điểm mạnh

Có kế hoạch giáo dục, phù hợp với quy định và điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường. Hằng năm, kế hoạch được thực hiện đầy đủ, được rà soát, đánh giá và điều chỉnh đạt hiệu quả.

3. Điểm yếu

Việc rà soát, đánh giá kế hoạch giáo dục chưa được ghi chép cụ thể, riêng biệt bằng văn bản, mới chỉ thể hiện chung trong các biên bản họp cán bộ chủ chốt hằng tháng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Ghi chép cụ thể, riêng biệt bằng văn bản việc rà soát, đánh giá kế hoạch giáo dục để lấy đó làm cơ sở điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp tình hình thực tế của nhà trường.	Trong năm học 2024 - 2025	Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn trực tiếp chỉ đạo; thư ký hội đồng trường thực hiện.	Bồi dưỡng nghiệp vụ thư ký cho đồng chí thư ký hội đồng trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
A	Đạt	*	Đạt	-	
B	Đạt	-		-	
C	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

Mức 1:

Thực hiện Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập, ngay đầu các năm học, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên - thông qua tổ chuyên môn - tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch năm học, đóng góp ý kiến điều chỉnh quy chế thi đua khen thưởng, kỷ luật, quy chế hoạt động cho phù hợp tình hình thực tế của nhà trường. Đầu các năm tài chính, đóng góp ý kiến xây dựng, bổ sung các quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H1-1.6-03]. Trên cơ sở quy định của các văn bản pháp quy, ý kiến đóng góp của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hiệu trưởng ra quyết định ban hành các kế hoạch năm học, quy chế thi đua khen thưởng, quy chế chi tiêu nội bộ [H1-1.9-01]

Các kiến nghị, ý kiến phản ánh của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong Hội nghị cán bộ, viên chức, Hội nghị Công đoàn, các cuộc họp Hội đồng giáo dục đều được ghi biên bản, được lãnh đạo nhà trường giải quyết đúng thẩm quyền, đúng quy định [H1-1.9-02]. Trong các năm học từ 2019 - 2020 đến 2023 - 2024 nhà trường không có khiếu nại, tố cáo.

Hằng năm, nhà trường có báo cáo Sở GD&ĐT về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở [H1-1.9-03] đồng thời trong công tác kiểm tra nội bộ luôn có nội dung tự kiểm tra về thực hiện quy chế dân chủ [H1-1.8-05].

Mức 2:

Mọi hoạt động trong nhà trường như: xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, xét nâng lương cho người lao động, phân công chuyên môn, sửa chữa cơ sở vật chất, đầu tư trang thiết bị, công tác tổ chức cán bộ đều được thực hiện với sự giám sát của tổ chức Công đoàn, Ban thanh tra nhân dân [H1-1.8-04]. Quá trình và kết quả của các hoạt động đều được công khai, minh bạch trước hội đồng giáo dục [H1-1.2-04]. Trong 5 năm qua, nhà trường không có mất đoàn kết nội bộ, không có khiếu nại, tố cáo [H1-1.9-04]. Tuy nhiên, việc công khai theo yêu cầu của thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ GD&ĐT trên trang Web của nhà trường đôi khi chưa đúng tiến độ thời gian đề ra.

2. Điểm mạnh

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế của nhà trường. Mọi ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được giải quyết công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền. Việc thực hiện quy chế dân chủ được báo cáo đầy đủ tới các cấp có thẩm quyền.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện công khai theo yêu cầu của thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Bộ GD&ĐT trên trang Website của nhà trường đôi khi chưa đúng tiến độ thời gian đề ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Từ năm học 2019 – 2020 và các năm học tiếp theo Cấp ủy đảng tiếp tục chỉ đạo lãnh đạo nhà trường công khai, minh bạch mọi hoạt động của nhà trường trước Hội đồng giáo dục và lấy ý kiến của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

khi xây dựng kế hoạch, xây dựng quy chế hoạt động, đảm bảo thực hiện đúng quy chế dân chủ ở cơ sở.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Đăng tải nội dung 3 công khai trên trang Website đúng thời gian quy định	Trong năm học 2024 - 2025	Hiệu trưởng chỉ đạo; thư ký hội đồng trường, kế toán thực hiện	Ghi rõ thời điểm đăng tải thông tin trong kế hoạch tháng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	
b	Đạt	-	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng đã phân công cho 01 đồng chí phó hiệu trưởng phụ trách công tác an ninh trật tự, an toàn trường học để xây dựng kế hoạch phòng, chống tai nạn, thương tích; phòng, chống cháy nổ; phòng, chống các hiểm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm; phòng, chống các tệ nạn xã hội, chống bạo lực và chỉ đạo thực hiện đồng bộ trong toàn trường [H1-1.10-01]. Từ kế hoạch được xây dựng đã phối hợp với các cơ quan chuyên môn như công an quận Hà Đông, y tế phường Phú Lãm triển khai thành các chuyên đề, các chương trình giáo dục giúp học sinh nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của thực hiện an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, phòng chống các dịch bệnh để từ đó các em tự giác thực hiện các quy định của pháp luật [H1-1.4-12]. Đầu các năm học, nhà trường đã tổ chức cho cha mẹ học sinh, học sinh ký cam kết thực hiện an toàn giao thông, các quy định của pháp luật để có sự phối hợp gia đình và nhà trường trong hoạt động giáo dục [H1-1.10-02]

Nhà trường có hộp thư góp ý để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của mọi công dân [H1-1.10-03]. Hộp thư góp ý được treo tại đầu hồi tầng 1 dãy phòng học của học sinh. Ngoài ra nhà trường có nhóm zalo của ban đại diện cha mẹ học sinh, cán bộ lớp, đội cờ đỏ để nắm bắt kịp thời những thông tin phản ánh về mọi mặt hoạt động. Admin trang panpage của nhà trường cũng thường xuyên tiếp nhận, phản hồi các ý kiến đóng góp của cộng đồng cho các hoạt động giáo dục [H1-1.10-04]. Nhà trường có sự kết hợp chặt chẽ với công an, y tế phường Phú Lãm

để nắm bắt và xử lý kịp thời mọi vấn đề khi có liên quan đến việc đảm bảo an toàn về tài sản, về sức khỏe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho học sinh là hoạt động được nhà trường chú trọng, tổ chức bằng nhiều hình thức như: hội thi tuyên truyền phổ biến pháp luật [H1-1.4-12], các chuyên đề ngoại khóa, đưa thông tin tuyên truyền trên panpage giúp học sinh nâng cao nhận thức về pháp luật, tự giác thực hiện nội quy nhà trường, quy định của pháp luật [H1-1.10-04]. Bởi vậy, nhiều năm qua trong nhà trường không có hiện tượng vi phạm pháp pháp luật nói chung và không có kỳ thị hay hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.6-09].

Mức 2:

Hằng năm nhà trường phối kết hợp với các cơ quan chuyên môn như công an phường Phú Lãm, công an quận Hà Đông, trạm y tế phường Phú Lãm và trung tâm y tế quận Hà Đông tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, tư vấn kiến thức và kỹ năng phòng, chống tệ nạn, kỹ năng phòng cháy chữa cháy và thoát hiểm, những hiểu biết để phòng chống dịch bệnh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường [H1-1.10-05].

Nhà trường chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn thường xuyên tuyên truyền và hướng dẫn, nắm bắt biểu hiện tâm lý học sinh [H1-1.10-06]; Đoàn thanh niên kiểm tra việc thực hiện nội quy, nề nếp học sinh; nhân viên bảo vệ trực, quan sát các khu vực có học sinh tham gia học tập, rèn luyện nếu có biểu hiện bất thường ở học sinh sẽ ngăn chặn kịp thời [H1-1.10-07]. Tuy nhiên, vẫn còn có học sinh vi phạm nội quy như đi học muộn, chưa thực hiện đúng quy định về trang phục, chưa giữ gìn vệ sinh chung.

2. Điểm mạnh

An ninh trật tự, an toàn trường học luôn được đảm bảo tốt; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện các phương án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cháy nổ, phòng chống thiên tai.

3. Điểm yếu

Vẫn còn có học sinh vi phạm nội quy như đi học muộn, chưa thực hiện đúng quy định về trang phục, chưa giữ gìn vệ sinh chung.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Tuyên truyền, giáo dục học sinh thực hiện tốt mọi nội quy nhà trường	Trong năm học 2024 - 2025	Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục đạo đức học sinh chỉ đạo; giáo viên, nhân viên toàn trường thực hiện	Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-	-	-	
Đạt		Đạt			

Kết luận về Tiêu chuẩn 1

Nhà trường có Đảng bộ lãnh đạo mọi hoạt động của các tổ chức, đoàn thể như Công đoàn, Đoàn TNCS. Hội đồng trường hoạt động theo đúng Điều lệ. Nhà trường có chiến lược phát triển 2020 – 2025, tầm nhìn đến 2030 và được Sở GD&ĐT Hà Nội phê duyệt. Đội ngũ cán bộ quản lý đảm bảo về số lượng, chất lượng. Đội ngũ giáo viên, nhân viên đảm bảo về số lượng, trình độ đạt chuẩn, được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ. Học sinh nhà trường được biên chế theo lớp học, được quản lý trên nguyên tắc tự quản, dân chủ. Công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản, quản lý cán bộ, GV và NV, quản lý các hoạt động giáo dục được thực hiện nghiêm túc, đúng hướng dẫn, định kỳ được rà soát, đánh giá. Nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Tuy nhiên, trong 2 năm học 2022- 2023, 2023 – 2024 số lớp học vượt trên 45 lớp, cá biệt số một số lớp vượt trên 45 học sinh.

Số lượng tiêu chí đạt mức 1	10/10	Đạt tỷ lệ 100%
Số lượng tiêu chí không đạt mức 1	0/10	Đạt tỷ lệ 0%
Số lượng tiêu chí đạt mức 2	09/10	Đạt tỷ lệ 90%
Số lượng tiêu chí không đạt mức 2	01/10	Đạt tỷ lệ 10%
Số lượng tiêu chí đạt mức 3	01/5	Đạt tỷ lệ 20%
Số lượng tiêu chí không đạt mức 3	04/5	Đạt tỷ lệ 80%

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Trường THPT Trần Hưng Đạo - Hà Đông có truyền thống 39 năm xây dựng và phát triển. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên tận tụy, yêu nghề, có trách nhiệm. Cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều lệ trường trung học. Tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có trình độ đạt chuẩn 100%; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có trình độ trên chuẩn đạt 42,69 %.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;*
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;*
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.*

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;*
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.*

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng nhà trường đạt tiêu chuẩn theo quy định Điều lệ trường trung học. Hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng đều có số năm dạy học trên 20 năm trong cấp học [H2-2.1-01]. Các đồng chí hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều có bằng Thạc sĩ quản lý giáo dục [H2-2.1-02].

Theo định kỳ, Sở GD&ĐT đánh giá, xếp loại đồng chí hiệu trưởng, 2 đồng chí phó hiệu trưởng đạt chuẩn từ mức khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng. Các đồng chí hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đủ năng lực đảm nhiệm các nhiệm vụ do Sở GD&ĐT phân công [H2-2.1-03].

Hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng nhà trường tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục [H2-2.1-04].

Mức 2:

Trong 5 năm, từ năm học 2019 - 2020 tới thời điểm tự đánh giá (tháng 4 năm 2024), hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng được Sở GD&ĐT Hà Nội đánh giá mức khá trở lên theo chuẩn hiệu trưởng [H2-2.1-05].

Các đồng chí hiệu trưởng, phó hiệu trưởng có bằng Trung cấp lý luận chính trị, tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị do Sở GD&ĐT Hà Nội, quận ủy Hà Đông tổ chức. Chưa có đồng chí nào có bằng cao cấp lý luận chính trị. Các đồng chí hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được giáo viên, nhân viên tín nhiệm cao, thể hiện qua số phiếu tín nhiệm khi làm quy trình bổ nhiệm mới với hiệu trưởng và bổ nhiệm lại với 2 phó hiệu trưởng [H2-2.1-06].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tục, từ năm học 2019 – 2020 đến thời điểm tự đánh giá (tháng 4 năm 2024), hiệu trưởng và 2 phó hiệu trưởng được Sở GD&ĐT Hà Nội đánh giá mức khá và tốt theo chuẩn hiệu trưởng [H2-2.1-05].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, 2 phó hiệu trưởng đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định của Điều lệ trường trung học; thực hiện tốt các nhiệm vụ; tham gia bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, lý luận chính trị đúng theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng có bằng trung cấp lý luận chính trị, chưa có đồng chí nào có bằng cao cấp lý luận chính trị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Sắp xếp thời gian để hiệu trưởng hoặc một đồng chí phó hiệu trưởng theo học lớp cao cấp lý luận chính trị	Từ năm học 2024 - 2025	Hiệu trưởng chỉ đạo	Có lớp cao cấp lý luận chính trị tuyển sinh đối tượng là cán bộ quản lý giáo dục

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 2.2: Đối với GV

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường hiện có 76 giáo viên là viên chức và 1 số giáo viên hợp đồng, giảng dạy các môn học theo quy định của thông tư 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập [H2-2.2-01]. 100% giáo viên được phân công giảng dạy theo đúng chuyên ngành. Bí thư Đoàn trường là giáo viên làm công tác kiêm nhiệm, được bồi dưỡng về công tác Đoàn. Giảng dạy nội dung trải nghiệm hướng nghiệp được phân công cho giáo viên chủ nhiệm. Giảng dạy nội dung giáo dục địa phương được phân công cho giáo viên ở các bộ môn [H1-1.7-04]

100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên theo quy định của Điều lệ trường

trung học; 38 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn chiếm tỷ lệ 42,69% [H2-2.2-01].

Cuối mỗi năm học nhà trường đều đánh giá kết quả, xếp loại giáo viên. Theo chu kỳ, nhà trường đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên. Trong các chu kỳ đánh giá, 100% giáo viên được xếp từ mức đạt trở lên theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp giáo viên trung học [H2-2.2-02].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính từ năm học 2019 - 2020 đến 2023 - 2024, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp với thực tế nhà trường. Năm học 2019 – 2020 có 30 đồng chí đạt trình độ trên chuẩn. Tính đến thời điểm tự đánh giá (tháng 4 năm 2024) đã có 38 đồng chí đạt trình độ trên chuẩn [H2-2.2-01].

Trong 05 năm liên tiếp tính từ năm học 2019 - 2020 đến 2023 - 2024, 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn trở lên theo quy định, trong đó có trên 90% đạt mức khá trở lên [H2-2.2-02].

Giáo viên nhà trường có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp thông qua các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp theo các chủ đề hằng tháng [H1-1.7-01]. Giáo viên chủ nhiệm lớp 12 nắm vững quy chế thi tốt nghiệp THPT, hiểu rõ năng lực của học sinh lớp mình chủ nhiệm, giúp các em định hướng nghề nghiệp [H1-1.5-02]. Nhà trường có giáo viên tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học và đạt giải cấp thành phố [H2-2.2-03]. Trong 05 năm qua, từ năm học 2019 - 2020 đến 2023 – 2024 nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật [H2-2.2-01].

Mức 3:

Cuối mỗi năm học, tính từ năm học 2019 - 2020 đến 2023 - 2024, nhà trường đều đánh giá giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp và xếp loại viên chức theo quy định. Số giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp đạt mức khá, tốt trên 90%, trong đó có đạt mức tốt chưa đạt 30% [H2-2.2-02].

Cuối mỗi năm học, tính từ năm học 2019 - 2020 đến 2023 - 2024, giáo viên nhà trường luôn có sáng kiến kinh nghiệm được xếp loại cấp ngành nhưng chưa có giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học [H2-2.2-04].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giáo viên có 100% trình độ đào tạo đạt chuẩn. Giáo viên có trình độ đào tạo trên chuẩn chiếm tỷ lệ 42,69%. Hàng năm, giáo viên được đánh giá Chuẩn nghề nghiệp giáo viên đạt mức khá trở lên đạt tỷ lệ trên 90%.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có giáo viên báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học. Số giáo viên theo chuẩn nghề nghiệp đạt mức tốt chưa đạt 30%.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Bồi dưỡng cho giáo viên năng lực nghiên cứu khoa học	Trong năm học 2024 - 2025	Hiệu trưởng chỉ đạo; phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn phụ trách; giáo viên thực hiện	Có chế độ đãi ngộ để khuyến khích giáo viên nghiên cứu khoa học Tìm được sự hỗ trợ của chuyên gia
Bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ giáo viên để nâng cao chuẩn			-Các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch tự bồi dưỡng -Nhà trường mời chuyên gia bồi dưỡng giáo viên theo chuyên đề

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	c	Đạt	-	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;*
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;*
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.*

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;*
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.*

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;*
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có 11 nhân viên: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thư viện kiêm nhiệm văn thư, 01 nhân viên y tế trường học, 02 nhân viên thiết bị kiêm nhiệm công nghệ thông tin, 01 nhân viên phục vụ, 04 nhân viên bảo vệ và hợp đồng 1 nhân viên thủ quỹ. Nhân viên thư viện có trình độ đại học; nhân viên y tế có trình độ trung cấp theo đúng chuyên môn; các nhân viên khác đã được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo vị trí công việc [H2-2.2-01].

Các nhân viên được phân công nhiệm vụ theo đúng năng lực, trình độ chuyên môn và hợp đồng lao động [H2-2.3-01].

Nhân viên nhà trường thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, đáp ứng được yêu cầu phục vụ cho hoạt động giảng dạy. Hằng năm 100% nhân viên được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H1-1.4-06].

Mức 2:

Nhà trường có 11 nhân viên: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thư viện kiêm nhiệm văn thư, 01 nhân viên y tế trường học, 02 nhân viên thiết bị kiêm

nhiệm công nghệ thông tin, 01 nhân viên phục vụ, 04 nhân viên bảo vệ và hợp đồng 1 nhân viên thủ quỹ [H2-2.3-01]. Hiện đang thiếu nhân viên chuyên trách văn thư theo quy định tại thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

Trong 05 năm liên tiếp tính từ năm học 2019 - 2020 đến 2023 - 2024, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật [H1-1.4-06].

Mức 3:

Nhân viên thư viện có trình độ đại học; nhân viên y tế, nhân viên kế toán có trình độ trung cấp theo đúng chuyên môn; các nhân viên khác đã được bồi dưỡng về nghiệp vụ theo vị trí công việc [H2-2.2-01].

Hằng năm, đội ngũ nhân viên nhà trường được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm [H2-2.3-02].

2. Điểm mạnh

Tất cả các nhân viên được làm việc theo đúng chuyên môn đào tạo; nhiệt tình, có trách nhiệm với nhiệm vụ được giao; được tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ theo vị trí việc làm. Không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Cơ cấu nhân viên còn thiếu vị trí chuyên trách văn thư.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Tuyển dụng nhân viên văn thư	Năm học 2024 - 2025	Hiệu trưởng và cán bộ phụ trách công tác tổ chức	Được Sở GD&ĐT duyệt biên chế tuyển dụng

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;*
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;*
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.*

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Học sinh của nhà trường đảm bảo đúng theo quy định về tuổi học sinh cấp trung học phổ thông như điều 33 của Điều lệ trường trung học [H2-2.4-01].

Học sinh của nhà trường thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.5-02]. Học sinh biết kính trọng cha mẹ, thầy cô giáo, cán bộ, nhân viên của nhà trường và những người lớn tuổi; đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập, thực hiện nội quy nhà trường và chấp hành pháp luật của nhà nước. Học sinh biết rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân. Học sinh được tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường, của lớp,

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; tham gia các công tác xã hội như bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông. Học sinh có ý thức giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; xây dựng và phát huy truyền thống nhà trường [H1-1.4-12]. Tuy nhiên còn một số học sinh chưa tự giác thực hiện nhiệm vụ như: đi học muộn, nói chuyện riêng trong giờ học, xả rác không đúng nơi quy định [H1-1.2-05].

Học sinh được nhà trường đảm bảo các quyền như: bình đẳng trong việc hưởng thụ giáo dục toàn diện, được tạo điều kiện về cơ sở vật chất, được cung cấp thông tin về việc học của mình, được sử dụng các trang thiết bị phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao. Học sinh được tôn trọng, đối xử bình đẳng, dân chủ; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật; được giáo dục kỹ năng sống; được chuyển trường nếu đủ điều kiện theo quy định [H2-2.4-02]; được kiểm tra sức khỏe 1 lần/năm học [H2-2.4-03]. Học sinh được nhận học bổng hoặc trợ cấp theo quy định đối với những học sinh được hưởng chính sách xã hội, những học sinh có khó khăn; được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật [H2-2.4-04].

Mức 2

Một số học sinh vi phạm các hành vi không được làm như đi học muộn, nói chuyện riêng trong giờ học, xả rác không đúng nơi quy định đều được nhà trường phát hiện kịp thời thông qua việc kiểm tra thường xuyên của đội Cờ đỏ, qua ghi chép, nhận xét của giáo viên trong Sổ ghi đầu bài. Các vi phạm của học sinh được đã xử lý bằng nhiều hình thức khác nhau như: viết bản tự kiểm điểm, thông qua giáo viên chủ nhiệm trao đổi với cha mẹ học sinh cùng giáo dục, nhắc nhở. Các học sinh vi phạm đều có sự chuyển biến tích cực, nhận ra lỗi sai và không tái phạm [H1-1.2-05].

Mức 3:

Nhà trường có nhiều học sinh có thành tích tốt trong học tập, rèn luyện, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng. Các học sinh có thành tích cao được biểu dương trước toàn trường bằng nhiều hình thức: khen thưởng trực tiếp, vinh danh trước trường trong các ngày Lễ lớn [H2-2.4-05], vinh danh trên panpage [H2-2.4-06]. Việc biểu dương, khen thưởng học sinh có thành tích đã có tác dụng tích cực trong cổ vũ, động viên tinh thần học tập, rèn luyện.

2. Điểm mạnh

Học sinh nhà trường được hưởng đầy đủ quyền lợi học tập, vui chơi, phát triển năng khiếu; thực hiện các nhiệm vụ theo Điều lệ trường trung học và các quy định khác của pháp luật. Học sinh có thành tích được khen thưởng kịp thời có tác dụng tích cực đến hoạt động của trường, lớp.

3. Điểm yếu

Một số học sinh còn vi phạm nội quy như: đi học muộn, nói chuyện riêng trong giờ học, xả rác không đúng nơi quy định

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Kiểm tra, giám sát thường xuyên việc thực hiện nội quy của học sinh	Trong năm học 2024 - 2025	Phó hiệu trưởng phụ trách giáo dục đạo đức học sinh chỉ đạo; Đoàn TNCS phối hợp; Giáo viên, học sinh thực hiện	Có sự phối hợp của cha mẹ học sinh

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng được đánh giá loại tốt theo chuẩn hiệu trưởng và chuẩn nghề nghiệp; được bồi dưỡng, tập huấn về chính trị và quản lý giáo dục theo quy định. Giáo viên của trường đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Xếp loại chung cuối năm học của giáo viên đạt và vượt quy định. Đội ngũ nhân

viên của trường có đủ trình độ theo quy định, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được phân công. Đa số học sinh nhà trường thực hiện tốt nội quy, được thực hiện đủ quyền lợi theo Điều lệ. Tuy nhiên, giáo viên còn chưa tham gia hoạt động nghiên cứu khoa học, cơ cấu nhân viên chưa đủ theo quy định, còn một số học sinh vi phạm nội quy nhà trường.

Số lượng tiêu chí đạt mức 1	4/4	Đạt tỷ lệ 100%
Số lượng tiêu chí không đạt mức 1	0/4	Đạt tỷ lệ 0%
Số lượng tiêu chí đạt mức 2	4/4	Đạt tỷ lệ 100%
Số lượng tiêu chí không đạt mức 2	0/4	Đạt tỷ lệ 0%
Số lượng tiêu chí đạt mức 3	3/4	Đạt tỷ lệ 75%
Số lượng tiêu chí không đạt mức 3	1/4	Đạt tỷ lệ 25%

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu: Cảnh quan nhà trường đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn. Nhà trường chú trọng đầu tư về cơ sở vật chất phục vụ cho mọi hoạt động. Thư viện đạt chuẩn, hệ thống máy tính được kết nối Internet đáp ứng yêu cầu dạy học và quản lý. Trang thiết bị dạy học luôn được nâng cấp, bổ sung góp phần nâng cao hiệu quả của việc dạy và học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất $6\text{m}^2/\text{học sinh}$; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất $10\text{m}^2/\text{học sinh}$; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

Mức 1:

Nhà trường có diện tích 11.280 m^2 , khuôn viên, khung cảnh sư phạm sáng, xanh, sạch, đẹp, có tường rào bao xung quanh trường, đảm bảo an toàn để tổ chức mọi hoạt động giáo dục [H3-3.1-01]. Tuy nhiên hệ thống cây bóng mát chậm phát triển gây ảnh hưởng tới các hoạt động tập thể vào mùa hè.

Nhà trường có hai lớp cổng, tường rào cao 2,5m bao quanh trường, cách ly với khu dân cư. Cổng trường quay ra mặt đường quốc lộ 21B, có biển tên trường theo quy định của Điều lệ trường trung học [H3-3.1-02].

Khu sân chơi có cây xanh, ghế đá và đảm bảo vệ sinh. Khu bãi tập có đủ thiết bị luyện tập thể dục thể thao, như: thang cầu vồng, xà đơn, xà kép và đảm bảo an toàn cho học sinh trong tập luyện và các hoạt động giáo dục khác [H3-3.1-03].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập phía trước và sau khu phòng học đảm bảo diện tích, đủ các dụng cụ tập luyện như xà đơn, xà kép, sân bóng chuyền, bóng rổ đảm bảo cho học sinh tham gia các hoạt động giáo dục như thể thao, hoạt động ngoài giờ lên lớp [H3-3.1-03].

Mức 3:

Diện tích nhà trường là 11280m^2 , với 1 khu nhà 3 tầng với 30 phòng và 1 khu 4 tầng với 8 phòng thực hành, đảm bảo bình quân diện tích trên $6\text{m}^2/\text{học sinh}$. Do sân trường phục vụ chỗ để xe cho học sinh nên diện tích sân chơi, bãi tập chưa đạt 25% tổng diện tích sử dụng của trường [H3-3.1-01].

2. Điểm mạnh

Môi trường, cảnh quan sư phạm xanh, sạch, đẹp, đảm bảo an toàn để tổ chức mọi hoạt động giáo dục. Có cổng trường, biển trường, tường rào đúng quy định Điều lệ trường trung học. Diện tích/học sinh đủ theo quy định.

3. Điểm yếu

Do được xây dựng trên vùng đất trũng nên cây bóng mát chậm phát triển, gây ảnh hưởng tới các hoạt động tập thể của học sinh ngoài sân trường vào mùa hè. Diện tích sân chơi, bãi tập chưa đủ theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
- Tổ chức các hoạt động tập thể vào các buổi sáng để đảm bảo sức khỏe cho học sinh, giáo viên - Trồng, chăm sóc cây cảnh, cây dây leo tại các hành lang	Năm học 2024 - 2025	Phó hiệu trưởng phụ trách CSVC chỉ đạo; tổ văn phòng, đoàn TNCS thực hiện; giáo viên phối hợp	- Thường xuyên sửa chữa, bảo dưỡng dù che nắng - Sau khi hoàn thành gói cải tạo, sửa chữa, chống xuống cấp của năm 2024

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có 28 phòng học để học 2 ca trong 1 ngày [H3-3.2-01]. Trong mỗi phòng học có trang bị 24 bộ bàn ghế theo tiêu chuẩn học sinh trung học. Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc của bàn ghế học sinh đảm bảo quy định theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT, ngày 16/6/2011 của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế. Các phòng học có điều hòa 1 chiều. Các phòng học đều đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh. Mỗi phòng có 07 cửa sổ và cửa ra vào tạo không gian thoáng và đủ ánh sáng tự nhiên. Hệ thống đèn chiếu sáng trong phòng được lắp đặt đúng tiêu chuẩn; gồm 16 đèn huỳnh quang có thành phần quang phổ màu trắng được lắp trong máng đèn, có 01 bộ bàn ghế của giáo viên, bảng viết chống lóa, máy chiếu Projector, máy tính bàn, loa đài [H3-3.2-02]. Các phòng học đều được trang trí ảnh Bác Hồ, khẩu hiệu.

Nhà trường có 08 phòng bộ môn: 01 phòng thực hành tin học, 1 phòng đa chức năng, 01 phòng học bộ môn Vật lý, 01 phòng học bộ môn Hóa học, 01 phòng học bộ môn Sinh học, 01 phòng học bộ môn Ngoại ngữ, 01 phòng học bộ môn Công nghệ, 01 phòng bộ môn Âm nhạc [H3-3.2-03]. Chưa có giáo viên mỹ thuật, chưa sắp xếp môn học mỹ thuật trong thời khóa biểu, chưa có phòng bộ môn Mỹ thuật. Các phòng bộ môn đủ để đáp ứng cho yêu cầu dạy và học của chương trình giáo dục phổ thông 2006 và 2018.

Văn phòng Đoàn được trang bị đầy đủ các thiết bị văn phòng phục vụ các hoạt động của đoàn thanh niên như máy tính, máy in. Thư viện rộng 80m² bao

gồm kho chứa sách và phòng đọc cho giáo viên, học sinh. Có 01 phòng truyền thống rộng 80m² với đủ thiết bị và tư liệu, hiện vật phong phú [H3-3.2-04].

Mức 2:

Các phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành về Quy định phòng học bộ môn. Trường có 28 phòng học. Diện tích mỗi phòng học 45m². Cầu thang đi lên khu phòng học, phòng bộ môn có tay vịn, đảm bảo cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. Các phòng học và phòng bộ môn đều có điều hòa. 08 phòng bộ môn [H3-3.2-03], diện tích trên 60m²/phòng, đầy đủ bàn ghế, trang thiết bị, bao gồm: 01 phòng bộ môn tin học, 1 phòng đa chức năng, 01 phòng học bộ môn Vật lý, 01 phòng học bộ môn Hóa học, 01 phòng học bộ môn Sinh học, 01 phòng học bộ môn Ngoại ngữ, 01 phòng học bộ môn Công nghệ, 01 phòng bộ môn âm nhạc. Các phòng bộ môn tự nhiên có phòng chuẩn bị, diện tích 28m²/phòng, được bố trí liền kề, có cửa liên thông với phòng học bộ môn [H1-1.4-08].

Khối phục vụ học tập đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Khối phục vụ học tập gồm có: 01 thư viện gồm kho sách, khu quản lý, 01 phòng đọc dành cho học sinh và 01 phòng đọc dành cho giáo viên; 01 phòng thiết bị giáo dục; 01 phòng tư vấn học đường; 01 phòng truyền thống và 01 phòng Đoàn Thanh niên [H3-3.2-05]

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Thông tư số 39/2021/TT-BGDĐT ngày 29/12/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp THPT [H1-1.6-02]. Các phòng học, ngoài các trang thiết bị tối thiểu đúng quy định, còn có hệ thống máy tính, máy chiếu, hệ thống âm thanh, điều hòa. Các phòng bộ môn Hóa học, Sinh học, Vật lý, Công nghệ có đầy đủ bàn ghế chuyên dụng, tủ đựng hóa chất, tủ đựng thiết bị thí nghiệm, hệ thống thoát mùi. Các trang thiết bị được bố trí, sắp xếp, quản lý đảm bảo thực hiện đầy đủ yêu cầu môn học và đảm bảo an toàn cho học sinh. Trong phòng thực hành Tin học, các máy tính của học sinh đều được kết nối với máy của giáo viên và kết nối mạng Internet. Phòng Âm nhạc của trường có đầy đủ các

thiết bị dạy học theo quy định [H3-3.2-03]. Trường chưa có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

2. Điểm mạnh

Hệ thống phòng học và phòng học bộ môn đạt tiêu chuẩn theo quy định. Phòng học được trang bị đủ các trang thiết bị dạy học hiện đại, đáp ứng tốt yêu cầu ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập và giảng dạy.

3. Điểm yếu:

Trường còn thiếu phòng học bộ môn Mỹ thuật, thiếu phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Cải tạo phòng học thành phòng bộ môn mỹ thuật, phòng tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh đặc biệt	Năm học 2024 - 2025	Hiệu trưởng chỉ đạo; tổ văn phòng thực hiện	Khi tuyển dụng được giáo viên mỹ thuật; khi có học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

5. Tự đánh giá: Đạt Mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có khối hành chính - quản trị đúng theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, bao gồm: 01 phòng hiệu trưởng diện tích 36m², 02 phòng phó hiệu trưởng diện tích 18m²/phòng, 01 phòng Văn phòng diện tích 18m² và 01 phòng Bảo vệ diện tích 12m². Tất cả các phòng đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của khối hành chính - quản trị [H1-1.6-02]. Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên được bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt và có đầy đủ các thiết bị theo đúng quy định [H3-3.2-01]. Nhà để xe của giáo viên, nhân viên diện tích 200m², có mái che đủ đáp ứng cho yêu cầu để xe máy của giáo viên, nhân viên.

Nhà trường có 02 nhà để xe, 01 nhà để xe cho giáo viên diện tích 200m², 01 nhà để xe cho học sinh diện tích 400m². Các nhà xe được bố trí hợp lý tại sân trường, sát tường rào, trước khu làm việc đối với nhà xe của giáo viên, trước khu phòng học đối với nhà xe học sinh, thuận tiện cho xe ra vào và đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.2-01], [H3-3.3-01]. Tuy nhiên số lượng xe của học sinh tăng nhanh theo từng năm học nên nhà để xe cho học sinh không đủ đáp ứng. Nhiều học sinh phải để xe ra ngoài khu vực sân trường, không có mái che.

Việc kiểm kê, sửa chữa, bổ sung đồ dùng và thiết bị khối hành chính – quản trị được định kỳ thực hiện. Nhân viên thiết bị kiểm kê, rà soát đồ dùng thiết bị, lập đề xuất sửa chữa các thiết bị hỏng như máy foto, máy in, đèn điện; bổ sung thiết bị hao mòn như: mực máy in, mực máy foto, giấy in; bảo dưỡng điều hòa theo định kỳ [H3-3.3-02].

Mức 2

Nhà trường có khối hành chính - quản trị đúng theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, bao gồm: 01 phòng hiệu trưởng diện tích 36m², 02 phòng phó hiệu trưởng diện tích 18m²/phòng, 01 phòng Văn phòng diện tích 18m² và 01 phòng Bảo vệ diện tích 12m². Tất cả các phòng đều đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ hoạt động của khối hành chính - quản trị [H1-1.6-02]. Nhà trường không có khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ [H3-3.1-01].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị của nhà trường có đầy đủ các thiết bị, sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường. Các phòng thuộc khối hành chính - quản trị đều được trang bị máy tính, máy in, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành và các phần mềm hỗ trợ công việc. Văn phòng được bố trí 02 máy photocopy phục vụ hiệu quả công việc hằng ngày và công tác in sao để kiểm tra. Các máy tính tại khối phòng hành chính – quản trị đều được nối mạng Internet phục vụ cho công tác tra cứu thông tin, báo cáo [H1-1.6-02]. Có phòng y tế diện tích 18 m², có đầy đủ trang thiết bị y tế tối thiểu, có đủ các loại thuốc thiết yếu đáp ứng việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho giáo viên và học sinh [H1-1.6-05].

2. Điểm mạnh:

Khối phòng hành chính - quản trị đảm bảo theo quy định, được đặt ở vị trí thuận tiện, có đủ các loại máy văn phòng, các thiết bị cần thiết phục vụ cho công tác điều hành, quản lý. Các trang thiết bị trong khối hành chính - quản trị vận hành tốt, thường xuyên được bảo dưỡng và sửa chữa, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường. Khu để xe dành cho giáo viên và học sinh được bố trí thuận tiện, an toàn, trật tự.

3. Điểm yếu:

Nhà để xe cho học sinh không đủ đáp ứng số lượng xe của học sinh. Nhiều học sinh phải để xe ra ngoài khu vực sân trường, không có mái che.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Sắp xếp xe học sinh trong nhà xe, ngoài sân trường đảm bảo gọn gàng, an toàn	Năm học 2024 - 2025	Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất chỉ đạo; nhân viên văn phòng và học sinh thực hiện;	Kẻ vạch, căng dây phân chia khu vực để xe theo hàng lối

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Nhà trường có khu vệ sinh khép kín riêng biệt cho giáo viên và học sinh, riêng biệt cho nam và nữ. Ở mỗi tầng nhà và khu vực sân tập thể dục thể thao đều có khu vệ sinh, đủ nước, đủ ánh sáng, đảm bảo vệ sinh, không làm ô nhiễm môi trường, phù hợp với cảnh quan trường học, an toàn, thuận tiện, phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.4-01]. Khu phòng học có 6 nhà vệ sinh học sinh, mỗi nhà vệ sinh diện tích 20m². Khu phòng hành chính – quản trị có 6 nhà vệ sinh giáo viên, mỗi nhà vệ sinh diện tích 18m². Khu phòng thực hành có 8 nhà vệ sinh học sinh, mỗi nhà vệ sinh diện tích 18m². Nhà đa năng có 2 nhà vệ sinh mỗi nhà vệ sinh diện tích 25m².

Nhà trường sử dụng nước sạch của công ty nước sạch Hà Đông, đáp ứng nhu cầu sử dụng trong sinh hoạt của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, đảm bảo quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 [H3-3.4-02]. Nước uống tinh khiết đóng bình được doanh nghiệp cung cấp chịu trách nhiệm về chất lượng và vệ sinh an toàn, đảm bảo đạt yêu cầu tại Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02/6/2010. Nước sạch và nước uống đóng bình được nhà trường kiểm định theo định kỳ 2 lần/năm [H3-3.4-03]. Hệ thống thoát nước có nắp đậy, được nạo vét định kỳ, đảm bảo tiêu thoát nước thải, không bị ngập úng khi trời mưa.

Rác thải được thu gom đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường. Các phòng học, hành lang tại khu hiệu bộ, khu phòng học, khu nhà bộ môn, khu nhà tập đa năng đều có thùng đựng rác. Hằng ngày rác được thu gom, đổ vào xe rác của Công ty môi trường theo giờ quy định [H3-3.4-04]. Không có rác tồn đọng trong trường gây ô nhiễm, mất cảnh quan.

Mức 2:

Khu vệ sinh của nhà trường được bố trí hợp lý, đảm bảo cảnh quan sư phạm, kết liền theo từng khu làm việc, khu phòng thực hành, khu phòng học, đảm bảo

phục vụ cho hoạt động trong nhà trường [H3-3.4-01]. Các nhà vệ sinh đảm bảo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT. Tuy nhiên kiến trúc các nhà vệ sinh của học sinh theo kiểu cũ nên chưa thật thông thoáng, khó dọn vệ sinh.

Nhà trường sử dụng hệ thống cấp nước sạch của Công ty nước sạch Hà Đông [H3-3.4-02]. Hệ thống thoát nước có nắp đậy, đảm bảo tiêu thoát nước thải sinh hoạt, nước mưa, không gây ngập úng, mất vệ sinh [H3-3.4-05]. Ký hợp đồng với Công ty môi trường đô thị, thu gom và xử lý chất thải theo ngày [H3-3.4-04], đảm bảo các quy định tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15/5/2016 của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế quy định công tác y tế trường học.

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đủ khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên và học sinh, riêng biệt cho nam và nữ. Các nhà vệ sinh sạch và đảm bảo vệ sinh. Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo vệ sinh.

3. Điểm yếu:

Kiến trúc các nhà vệ sinh của học sinh theo kiểu cũ nên chưa thật thông thoáng, khó dọn vệ sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Giữ gìn vệ sinh tại các nhà vệ sinh của học sinh	Thường xuyên trong các năm học	Phó hiệu trưởng phụ trách cơ sở vật chất; giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường	- Tuyên truyền để nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh cho học sinh - Kiểm tra thường xuyên khu vệ sinh; xử phạt kịp thời các vi phạm

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt

a	Đạt	a	Đạt	-	
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt			

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Tại khối phòng hành chính – quản trị có đủ các thiết bị văn phòng như: máy tính kết nối internet, máy in, máy foto, máy xén giấy, tủ đựng tài liệu. Có loa, đài, micro cố định và di động; có màn hình led tại phòng họp giáo viên, tại sân khấu ở sân trường, được kết nối Internet phục vụ các hoạt động giáo dục của nhà trường, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT [H1-1.6-02], [H1-1.4-08].

Có đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu phục vụ cho việc giảng dạy và học tập của giáo viên và học sinh, đáp ứng yêu cầu tại thông tư số 01/2010-TT BGDDT ngày 18/01/2010 và thông tư số 39/2021-TT BGDDT ngày 30/12/2021 [H1-1.6-02]. Các phòng học được trang bị 1 máy tính, loa, micro, đầu chiếu Projector, màn chiếu phục vụ hoạt động dạy và học [H3-3.5-01].

Việc kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học được nhà trường thực hiện hằng năm. Đầu các năm học, nhà trường xây dựng Kế hoạch quản lý, sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học và tổ chức triển khai tới các tổ chuyên môn. Nhà trường chỉ đạo nhân viên thiết bị tổ chức kiểm kê, rà soát theo định kỳ chất lượng, số lượng thiết bị dạy học. Căn cứ theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu nhân viên thiết bị cùng các tổ chuyên môn đề xuất phương án sửa chữa, trang cấp, bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy học phục vụ kịp thời cho hoạt động dạy và học [H1-1.6-02]. Mỗi năm thực hiện kiểm kê tài sản 2 lần vào dịp hè và cuối năm tài chính, cập nhật vào phần mềm quản lý tài sản, để phân loại, đánh giá chất lượng tài sản, trang thiết bị. Trên cơ sở đó thanh lý các thiết bị đã hỏng không thể sửa chữa, đề xuất mua bổ sung các trang thiết bị mới, đảm bảo phục vụ nhu cầu tối thiểu về trang thiết bị của hoạt động dạy học [H3-3.5-02]

Mức 2:

Để đáp ứng nhu cầu dạy và học của giáo viên, học sinh, hệ thống máy tính của trường được nối mạng internet thuận lợi cho việc tra cứu thông tin và sử dụng các phần mềm. Toàn bộ các phòng học, các phòng khối hành chính – quản trị, thư viện, phòng thực hành Tin học đều được trang bị máy tính kết nối Internet đảm bảo cập nhật, thông suốt thông tin cho công tác quản lý, dạy và học [H3-3.5-03].

Các phòng học được trang bị máy tính kết nối internet, loa, micro, đầu chiếu projeter, màn chiếu, điều hòa phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy và học [H3-3.5-01]. Các phòng thực hành được trang bị đầy đủ thiết bị theo thông tư số 01/2010-TT BGDDT ngày 18/01/2010 và thông tư số 39/2021-TT BGDDT ngày 30/12/2021 [H3-3.2-03].

Định kỳ, nhà trường được bổ sung các trang thiết bị dạy học đảm bảo phục vụ cho yêu cầu đổi mới trong hoạt động dạy học [H3-3.5-01]. Hằng năm, có tổ chức thi đồ dùng dạy và học tự làm trong giáo viên, học sinh [H3-3.5-04]. Các đồ dùng học tập do học sinh và giáo viên tự làm, có chất lượng được nhà trường lựa chọn, đưa vào phòng thiết bị để sử dụng chung [H3-3.5-05]. Tuy nhiên nguyên

vật liệu của đồ dùng dạy, học tự làm chất lượng không cao nên độ bền các đồ dùng ngắn, mau hỏng.

Mức 3:

Các phòng thực hành đủ thiết bị đảm bảo hoạt động theo kế hoạch giáo dục của các tổ chuyên môn, theo thời khóa biểu của nhà trường, phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy học. Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, đáp ứng phục vụ cho hoạt động giáo dục chương trình giáo dục phổ thông 2018 [H3-3.5-06].

2. Điểm mạnh:

Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ tốt cho việc quản lý, giảng dạy, học tập. Công tác quản lý, kiểm tra, kiểm kê, sửa chữa, bảo dưỡng, bổ sung các trang thiết bị được thực hiện định kỳ, phục vụ hiệu quả mọi hoạt động của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Hàng năm nhà trường tổ chức thi Đồ dùng dạy học tự làm, tuy nhiên nguyên vật liệu của đồ dùng dạy, học tự làm chất lượng không cao nên độ bền các đồ dùng ngắn, mau hỏng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Tiếp tục tổ chức thi Đồ dùng giảng dạy và học tập tự làm	Thường xuyên trong các năm học	Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn chỉ đạo; các tổ trưởng triển khai thực hiện theo đơn vị tổ; giáo viên chủ nhiệm triển khai tới học sinh	Lập và triển khai kế hoạch ngay từ đầu năm học để giáo viên, học sinh có thời gian lên ý tưởng, chuẩn bị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1	Mức 2	Mức 3
-------	-------	-------

Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt		
c	Đạt	c	Đạt		
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1:

Thư viện được trang bị và bổ sung sách báo và tài liệu tham khảo định kỳ hằng năm. Đến nay, kho sách của trường có số lượng 3665 bản sách giáo khoa, 1270 bản sách nghiệp vụ, 5031 bản sách tham khảo, 25 bộ đĩa Giáo khoa, 06 đầu báo, tạp chí các loại. Đảm bảo 100% giáo viên có đủ sách giáo khoa để giảng dạy.

Đảm bảo đủ sách giáo khoa cho học sinh mượn khi có nhu cầu. Có nội quy cụ thể quy định về hoạt động của thư viện. Tuy nhiên số lượng sách tham khảo trong thư viện chưa phong phú, chất lượng chưa cao [H3-3.6-01].

Hoạt động của thư viện nhà trường đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong trường. Định kỳ, thư viện phối hợp với Đoàn thanh niên nhà trường giới thiệu sách, tổ chức hội thi Trưng bày sách theo chủ đề [H3-3.6-02]. Thư viện phục vụ bạn đọc các ngày trong tuần. Sách được sắp xếp gọn gàng, thuận lợi cho việc mượn, trả. Khu vực đọc sách rộng rãi, thoáng mát, có điều hòa. Có 04 máy tính nối mạng Internet để giáo viên, học sinh tra cứu thông tin. Có đủ chỗ ngồi cho giáo viên và học sinh học tập và làm việc. Tại phòng đọc có 01 tủ trưng bày sách với những loại sách thông dụng như sách tra cứu, tủ sách giáo dục, tủ sách pháp luật, 01 tủ báo có các loại báo, tạp chí để phục vụ cho nhu cầu đọc của học sinh và giáo viên. Ngoài việc đọc tại chỗ, thư viện tạo điều kiện cho học sinh làm thẻ để mượn sách về nhà nghiên cứu.

Hằng năm thư viện được kiểm kê, sách, báo, tạp chí, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo [H3-3.6-01] và bổ sung các nguồn tư liệu từ ngân sách của nhà trường và quyên góp từ giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh [H3-3.6-03].

Mức 2:

Trong các năm trở lại đây, thư viện nhà trường đạt chuẩn theo đúng tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông [H3-3.6-04].

Mức 3:

Hệ thống máy tính trong Thư viện gồm 4 máy được kết nối internet đảm bảo phục vụ cho giáo viên, học sinh nghiên cứu tài liệu trong giảng dạy, học tập; đảm bảo phục vụ cho các cuộc thi trực tuyến do các cấp phát động; đảm bảo cho giáo viên nhập điểm trên CSDL. Tuy nhiên, Thư viện nhà trường chưa đạt Thư viện trường học tiên tiến [H3-3.6-04].

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường đạt chuẩn, đảm bảo đủ sách giáo khoa, sách tham khảo phục vụ hoạt động dạy và học của giáo viên và học sinh. Hệ thống máy tính kết nối Internet trong thư viện đáp ứng nhu cầu dạy học, nghiên cứu và các hoạt động giáo dục khác.

3. Điểm yếu

Số lượng đầu sách tham khảo chưa thật phong phú; chất lượng các đầu sách tham khảo chưa cao. Thư viện trường chưa đạt danh hiệu “Thư viện trường học tiên tiến”.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Xây dựng thư viện Tiên tiến	Năm học 2024-2025	Hiệu trưởng chỉ đạo; Phó hiệu trưởng phụ trách công tác thư viện; Nhân viên thư viện	Đạt các tiêu chí Thư viện tiên tiến theo quyết định số 01/2003/QĐ-BGDĐT ngày 02/01/2003 của Bộ Giáo dục và Đào tạo
Tăng số lượng, chất lượng đầu sách tham khảo	Năm học 2024-2025	Phó hiệu trưởng phụ trách công tác thư viện chỉ đạo; Nhân viên thư viện, giáo viên, học sinh thực hiện	Xây dựng kế hoạch Ủng hộ sách ngay đầu năm học, triển khai tới giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Trường có đủ diện tích đáp ứng các hoạt động giáo dục, khung cảnh sư phạm đẹp, đủ sân chơi, bãi tập cho học sinh. Khối phòng hành chính – quản trị và trang

thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy học đạt tiêu chuẩn. Khu vệ sinh, hệ thống thoát nước thải đảm bảo vệ sinh môi trường. Thư viện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong trường. Các thiết bị dạy học đảm bảo cho hoạt động dạy và học. Việc kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng và thiết bị dạy học được nhà trường thực hiện thường xuyên. Tuy nhiên hệ thống cây bóng mát của nhà trường chậm phát triển nên thiếu bóng mát, ảnh hưởng tới các hoạt động ngoài trời vào mùa hè. Thư viện nhà trường chưa đạt Thư viện Tiên tiến.

Số lượng tiêu chí đạt mức 1	6/6	Đạt tỷ lệ 100%
Số lượng tiêu chí không đạt mức 1	0/6	Đạt tỷ lệ 0%
Số lượng tiêu chí đạt mức 2	6/6	Đạt tỷ lệ 100%
Số lượng tiêu chí không đạt mức 2	0/6	Đạt tỷ lệ 0%
Số lượng tiêu chí đạt mức 3	2/6	Đạt tỷ lệ 33,3%
Số lượng tiêu chí không đạt mức 3	4/6	Đạt tỷ lệ 66,7%

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội được ban lãnh đạo nhà trường quan tâm, chú trọng xây dựng và phát triển. Nhà trường đã phối hợp chặt chẽ với ban đại diện CMHS, với các cơ quan đoàn thể, đơn vị trên địa bàn các phường trên địa bàn quận Hà Đông, phòng Giáo dục quận Hà Đông trong các hoạt động giáo dục. Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ và phát triển nhà trường đồng thời tích cực tham gia các nhiệm vụ chính trị, văn hóa, xã hội tại địa phương.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện Cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Ban đại diện CMHS các lớp, Ban đại diện CMHS trường được thành lập vào đầu mỗi năm học và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện CMHS ban hành kèm theo thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Đầu mỗi năm học, thực hiện hướng dẫn của nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp tổ chức cuộc họp toàn thể CMHS để cử ra Ban đại diện CMHS lớp gồm 01 trưởng ban, 01 phó trưởng ban và 01 uỷ viên [H4-4.1-01]. Với sự chứng kiến của đại diện nhà trường, trưởng ban và phó trưởng ban Ban đại diện CMHS của tất cả các lớp để cử ra Ban đại diện CMHS trường. Ban đại diện CMHS trường cử 01 trưởng ban, 02 phó trưởng ban và một số uỷ viên. Sau khi được cử, trưởng ban điều hành cuộc họp Ban đại diện CMHS để thông qua chương trình hoạt động cả năm học. Ban đại diện CMHS trường họp thường kỳ 03 lần/năm học và họp bất thường khi có ít nhất 50% số thành viên hoặc trưởng ban đề nghị [H4-4.1-02].

Trên cơ sở kế hoạch năm học của nhà trường, Ban đại diện CMHS xây dựng và triển khai phương hướng hoạt động xuyên suốt năm học theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn [H4-4.1-03]. Ban đại diện CMHS trường và lớp phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; bồi dưỡng, khuyến khích học sinh giỏi, giúp đỡ học sinh yếu kém, vận động học sinh đã bỏ học trở lại tiếp tục học tập; giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh khó khăn khác; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến kiến thức đối với CMHS nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, giáo dục học sinh.

Giáo viên chủ nhiệm, nhà trường luôn phối hợp, thường xuyên trao đổi thông tin về mọi hoạt động giáo dục để Ban đại diện CMHS lớp, trường hoạt động một cách hiệu quả theo đúng tiến độ, đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện CMHS các lớp, trường phối hợp có hiệu quả với nhà trường tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; bàn biện pháp giáo dục học sinh học lực yếu, giúp đỡ những học sinh có hoàn cảnh khó khăn; tuyên dương, khen thưởng những học sinh tiêu biểu trong học tập, hoạt động đoàn thể, hoạt động văn hóa, thể thao; đặc biệt quan tâm hỗ trợ đến những học sinh thuộc diện đặc biệt như học sinh khuyết tật, học hòa nhập [H1-1.6-09].

Mức 3:

Ban đại diện CMHS trường, Ban đại diện CMHS các lớp đã phối hợp hiệu quả với nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp tham gia giáo dục học sinh, giúp đỡ học sinh học lực yếu và học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Cuối kỳ học và cuối năm học, Ban đại diện CMHS phối hợp với nhà trường khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện, tập thể lớp có thành tích trong các hoạt động [H4-4.1-04]. Ban đại diện CMHS lắng nghe và phản ánh kịp thời với nhà trường các ý kiến, nguyện vọng, đề xuất của CMHS về các hoạt động giáo dục, công tác quản lý trong nhà trường. Ban đại diện CMHS trường đã phối hợp với nhà trường tổ chức cho học sinh các hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm kết hợp giáo dục truyền thống lịch sử; giáo dục tình yêu quê hương, đất nước; trách nhiệm với cộng đồng. Ban đại diện CMHS còn phối hợp với các lực lượng khác trong xã hội như chính quyền địa phương, Đoàn Thanh niên địa phương, công an địa phương, nhân dân nơi cư trú trong việc quản lý và giáo dục học sinh [H4-4.1-01]. Tuy nhiên, công tác phối hợp này chưa được thực hiện liên tục mà chỉ diễn ra khi cần phối hợp quản lý, giáo dục học sinh chậm tiến bộ.

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS nhà trường, Ban đại diện CMHS các lớp được thành lập và hoạt động theo đúng Điều lệ, phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS.

3. Điểm yếu

Sự phối hợp giữa Ban đại diện CMHS với các lực lượng khác trong xã hội chưa thường xuyên, đều đặn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Thông qua nhà trường, Ban đại diện CMHS xây dựng kế hoạch phối hợp với địa phương để giáo dục học sinh	Trong năm học 2024 - 2025	Hiệu trưởng, Ban đại diện CMHS trường và các lớp	- Có sự phối hợp của nhà trường - Có sự ủng hộ và phối hợp của các lực lượng chính quyền địa phương.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-		-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã phối hợp với UBND, Công an, Đoàn phường Phú Lãm, Quận đoàn Hà Đông, Công an quận Hà Đông, các tổ chức chính trị - xã hội và cá nhân có liên quan nhằm thống nhất quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội để giúp thực hiện tốt kế hoạch giáo dục của nhà trường theo từng năm học, từng giai đoạn [H4-4.2-01].

Nhà trường đã phối hợp với Ban đại diện CMHS, Hội cựu học sinh để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H4-4.1-01]; phối kết hợp với Đoàn TNCS phường Phú Lãm để tuyên truyền, thực hiện các hoạt động giáo dục đoàn viên, thanh niên trong và ngoài nhà trường [H4-4.2-02]. Các hoạt động của nhà trường được đăng tải trên website, fanpage để tuyên truyền, lan tỏa nội dung giáo dục tới cộng đồng [H4-4.2-03]

Nhà trường sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, hợp pháp của các tổ chức và cá nhân để tăng thêm cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động giáo dục, như: dù che nắng sân trường, màn hình Led tại sân khấu sân trường, màn hình

Led tại phòng họp [H1-1.6-12]; khen thưởng, động viên học sinh học giỏi, học sinh có thành tích xuất sắc; Hỗ trợ về mặt vật chất và tinh thần cho học sinh có khó khăn vươn lên trong học tập [H4-4.1-03]. Tuy nhiên việc huy động các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân còn chưa đạt hiệu quả cao.

Mức 2:

Nhà trường đã có nhiều hình thức để tham mưu với cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể của phường Phú Lãm, quận Hà Đông nhằm tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển [H4-4.2.01]. Hằng năm, nhà trường có kế hoạch phối hợp với công an phường Phú Lãm nhằm làm tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự; phối hợp với đoàn phường Phú Lãm trong công tác giáo dục học sinh thông qua các hoạt động như: chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, làm sạch đường và hè phố bằng việc bóc xé các biển quảng cáo sai quy định [H4-4.2.02], thành lập đội hình giao thông xanh góp phần đảm bảo cổng trường giao thông an toàn [H4-4.2-04].

Nhà trường đã phối hợp với các đơn vị: Bảo tàng đường mòn Hồ Chí Minh, Trung tâm đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ Cảnh sát biển thực hiện các chuyên đề lịch sử, qua đó tuyên truyền cho học sinh về truyền thống cách mạng, giáo dục ý thức trách nhiệm, đạo đức của công dân [H4-4.2.05]. Trong các ngày tổ chức sinh hoạt tập thể, nhà trường tổ chức cho học sinh nhiều hoạt động thể thao, văn hóa, văn nghệ, trò chơi dân gian góp phần giáo dục toàn diện cho học sinh [H4-4.2.06]. Nhà trường đã phối hợp với Đoàn thanh niên phường Phú Lãm chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, thăm hỏi các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, bà mẹ Việt Nam anh hùng trên địa bàn phường vào dịp Kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ 27/7 [H4-4.2.07]; Hằng năm, tổ chức hội thi Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, phối hợp với cơ quan công an, đoàn thanh niên quận Hà Đông tổ chức nhiều chương trình tuyên truyền về thực hiện an toàn giao thông, phòng chống ma túy, đảm bảo an toàn trên không gian mạng [H4-4.2.08].

Mức 3:

Nhà trường tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương các nội dung về cải tạo, sửa chữa và cải tạo cơ sở vật chất của nhà trường; đảm bảo an ninh, an toàn trường học; phối hợp thực hiện các hoạt động giáo dục nhằm từng bước xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của quận Hà Đông [H4-

4.1-01], [H4-4.2-09]. Tuy nhiên, công tác phối hợp chưa đạt hiệu quả cao, nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của quận Hà Đông.

2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động phối hợp với chính quyền, các tổ chức, đoàn thể địa phương để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng ở địa phương, gắn kết hoạt động của học sinh với hoạt động của cộng đồng.

3. Điểm yếu

Công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân để đưa nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của quận Hà Đông chưa đạt hiệu quả cao. Nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của quận Hà Đông.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Lập kế hoạch phối hợp với doanh nghiệp, đoàn thể, cơ quan ngoài giáo dục để huy động các nguồn lực hỗ trợ nhà trường về văn hóa, giáo dục	Năm học 2024 - 2025	Hiệu trưởng chỉ đạo; cán bộ chủ chốt thực hiện	Có sự ủng hộ của chính quyền địa phương, cựu học sinh, cha mẹ học sinh, các tổ chức

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	
c	Đạt	-		-	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường luôn chủ động tạo dựng mối quan hệ với các tổ chức đoàn thể, Ban đại diện CMHS, chính quyền địa phương để nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục. Nhà trường đã tích cực đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nhằm tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp học tập, tạo điều kiện cho học sinh và các tổ chức, đoàn thể tham gia thực hiện kế hoạch giáo dục. Tuy nhiên công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân để đưa nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của quận Hà Đông chưa đạt hiệu quả cao. Nhà trường chưa trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của quận Hà Đông.

Số lượng tiêu chí đạt mức 1	2/2	Đạt tỷ lệ 100%
Số lượng tiêu chí không đạt mức 1	0/2	Đạt tỷ lệ 0%
Số lượng tiêu chí đạt mức 2	2/2	Đạt tỷ lệ 100%
Số lượng tiêu chí không đạt mức 2	0/2	Đạt tỷ lệ 0%
Số lượng tiêu chí đạt mức 3	1/2	Đạt tỷ lệ 50%
Số lượng tiêu chí không đạt mức 3	1/2	Đạt tỷ lệ 50%

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Nhà trường nghiêm túc thực hiện nội dung chương trình giáo dục phổ thông theo quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Hà Nội. Các nội dung hướng nghiệp, trải nghiệm, giáo dục địa phương được đảm bảo đúng thời lượng. Các học sinh có năng khiếu hoặc gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện được tạo điều kiện để thực hiện quyền lợi, nghĩa vụ. Kết quả học lực khá giỏi, hạnh kiểm khá tốt của học sinh nhà trường trong những năm trở lại đây đạt mức cao.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;

c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường lập kế hoạch thời gian năm học với biên chế thời gian, số tuần học theo quy định của Bộ GD&ĐT và đảm bảo thời gian quy định của UBND thành phố Hà Nội về khung thời gian năm học [H1-1.8-01]. Đầu năm học, xây dựng kế hoạch năm học, học kỳ về giảng dạy và học tập đủ các bộ môn văn hóa, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, dạy nghề, hướng nghiệp, văn minh thanh lịch, trải nghiệm hướng nghiệp, giáo dục địa phương đảm bảo mục tiêu giáo dục [H1-1.4-05]. Việc triển khai các hoạt động giáo dục đúng theo kế hoạch thời gian năm học đã đề ra [H5-5.1-01].

Giáo viên đã áp dụng nhiều phương pháp dạy học tích cực như tổ chức hoạt động nhóm, dạy học theo chuyên đề, dạy học theo dự án để phù hợp đối tượng học sinh từng lớp và khuyến khích học sinh tự học và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn [H5-5.1-02]. Phục vụ cho giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học, nhà trường đã lắp đặt máy chiếu Projector, loa, micro, máy tính kết nối Internet ở tất cả các phòng học.

Nhà trường thực hiện đúng quy định của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THPT do Bộ GD&ĐT ban hành; đảm bảo đủ số lần kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ. Trong quá trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, đã kết hợp thực hiện các hình thức kiểm tra (hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực

hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập) và các hình thức đánh giá học sinh (bằng điểm số, nhận xét) đảm bảo khách quan và hiệu quả. Các hình thức kiểm tra, đánh giá kết hợp linh hoạt giữa trắc nghiệm và tự luận [H5-5.1-03], đánh giá qua việc quan sát các hoạt động trên lớp; đánh giá qua hồ sơ học tập, vở ghi hoặc sản phẩm học tập; đánh giá qua việc học sinh báo cáo kết quả thực hiện một dự án học tập, nghiên cứu khoa học, công nghệ, báo cáo kết quả thực hành, thí nghiệm; đánh giá qua bài thuyết trình về kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập [H5-5.1-04], [H5-5.1-05].

Mức 2:

Việc thực hiện và triển khai chương trình, kế hoạch giáo dục đúng theo chương trình, kế hoạch giáo dục, thời lượng năm học của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Hà Nội. Theo yêu cầu, khả năng nhận thức, lựa chọn của học sinh, nhà trường sắp xếp các môn học bắt buộc, tự chọn. Từ đó, các tổ chuyên môn đã xây dựng Kế hoạch dạy học trong đó lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học để trình hiệu trưởng nhà trường phê duyệt. Trên cơ sở các kế hoạch đã được phê duyệt, theo phân công chuyên môn, giáo viên xây dựng Kế hoạch dạy học, giáo dục cho phù hợp với đối tượng học sinh từng lớp để đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh [H5-5.1-06].

Hằng năm, nhà trường có tổ chức thi học sinh giỏi khối 10 và 11, trên cơ sở đó chọn đội tuyển học sinh giỏi cấp trường, phân công giáo viên bồi dưỡng để tham gia thi cấp cụm. Trên cơ sở đội tuyển học sinh giỏi khối 11, tổ chức bồi dưỡng để làm nòng cốt cho đội tuyển khối 12 thi cấp thành phố [H5-5.1-07]. Các học sinh có năng khiếu văn nghệ, thể thao được Đoàn TNCS tổ chức sinh hoạt trong các câu lạc bộ để làm nòng cốt xây dựng phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao [H5-5.1-08]. Từng năm học, lãnh đạo nhà trường đều gặp gỡ học sinh có kết quả chưa đạt yêu cầu sau đợt kiểm tra khảo sát chất lượng khối 12 của Sở GD&ĐT Hà Nội và phân công giáo viên bồi dưỡng, hỗ trợ để nâng cao chất lượng học tập giúp các em vượt qua kỳ thi tốt nghiệp THPT [H5-5.1-05].

Mức 3:

Sau mỗi học kỳ, cuối năm học, trên cơ sở kết quả xếp loại của học sinh, kết quả các giờ dạy của giáo viên được dự giờ, nhà trường cùng tổ/nhóm chuyên môn rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp giáo dục đã áp dụng đối với chất lượng dạy của giáo viên và học của học sinh từ đó có bổ sung, điều chỉnh các biện pháp để nâng cao hơn nữa chất lượng dạy và học [H5-5.1-05].

Tuy nhiên, việc rà soát, đánh giá chưa thường xuyên, liên tục [H1-1.2-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nghiêm túc Chương trình giáo dục phổ thông theo quy định, xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục và lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với đối tượng học sinh, tạo sự chuyển biến tích cực trong kết quả xếp loại hai mặt của học sinh nhà trường; phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, hỗ trợ học sinh có khó khăn trong học tập.

3. Điểm yếu

Việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy và học của giáo viên, học sinh chưa được thường xuyên, liên tục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Hàng tháng, rà soát, đánh giá hiệu quả, tác động của những biện pháp tổ chức các hoạt động giáo dục để kịp thời điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục	Năm học 2024 - 2025	Hiệu trưởng chỉ đạo; các tổ trưởng chuyên môn, trưởng các đoàn thể thực hiện	- Có số liệu chi tiết, cụ thể về những biện pháp tổ chức các hoạt động giáo dục - Có ý kiến phân tích, nhận xét của nhân sự trực tiếp thực hiện những biện pháp tổ chức các hoạt động giáo dục

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	---	---

c	Đạt	---	---	---	---
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, vào đầu năm học, từ các nguồn thông tin của giáo viên chủ nhiệm, BCHCĐ, ban đại diện CMHS, nhà trường giao các tổ chuyên môn có biện pháp hỗ trợ, giúp đỡ đối tượng học sinh khó khăn trong học tập và rèn luyện; giao nhiệm vụ cho Đoàn TNCS xây dựng, tổ chức các câu lạc bộ văn hóa, thể thao cho học sinh có năng khiếu tham gia, tập luyện [H5-5.2-01]. Đầu các năm học, BCHCĐ phát động phong trào “Nhà giáo Hà Nội giúp đỡ học sinh có khó khăn” để giáo viên đăng ký giúp đỡ học sinh về tinh thần, vật chất, tài liệu học tập [H5-

5.2-02].

Thực hiện chỉ đạo của nhà trường, các tổ chuyên môn bồi dưỡng học sinh giỏi, hỗ trợ học sinh có nguy cơ trượt tốt nghiệp THPT và giúp đỡ học sinh gặp khó khăn trong học tập thông qua các hoạt động: lựa chọn giáo viên có chuyên môn vững vàng bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi [H5-5.1-07]; phân công giáo viên ôn tập cho học sinh có nguy cơ trượt tốt nghiệp THPT, học sinh gặp khó khăn trong học tập tại chính lớp giảng dạy; lập danh sách học sinh có hoàn cảnh khó khăn để mỗi giáo viên đăng ký giúp đỡ theo khả năng [H5-5.2-02]. Đoàn TNCS tổ chức, duy trì hoạt động của các CLB để những học sinh có năng khiếu nghệ thuật, thể thao có điều kiện được thể hiện và phát triển [H5-5.1-08].

Mỗi học kỳ, nhà trường có đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh [H1-1.6-09]. Dựa vào kết quả đạt được của giáo viên và học sinh, nhà trường tuyên dương, khen thưởng đối với các giáo viên có học sinh giỏi, học sinh năng khiếu đạt giải các cấp, học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập [H2-2.4-05].

Mức 2:

Nhà trường đã phân công giáo viên, nhân viên bồi dưỡng, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh gặp khó khăn trong học tập và tìm ra những học sinh có năng khiếu để kịp thời bồi dưỡng, rèn luyện kỹ năng giúp các em đáp ứng được mục tiêu trong kế hoạch giáo dục của nhà trường [H1-1.2-05].

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường có học sinh có năng khiếu về các môn học đạt giải trong kì thi Học sinh giỏi cấp thành phố, đạt giải trong các cuộc thi năng khiếu thể thao. Tuy nhiên số học sinh đạt giải cấp thành phố chưa nhiều, đạt giải chưa cao. Chưa có học sinh đạt giải cấp quốc gia [H5-5.2-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã triển khai, chỉ đạo tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện. Hằng năm, nhà trường có học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố.

3. Điểm yếu

Nhà trường có ít học sinh năng khiếu thể thao, nghệ thuật đạt giải cấp thành phố, số học sinh giỏi đạt giải cấp thành phố chưa nhiều, giải chưa cao. Chưa có học sinh đạt giải cấp quốc gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Tăng cường bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu.	Năm học 2024 - 2025	Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn chỉ đạo; Ban chuyên môn thực hiện	Có học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	---	---	---	---
c	Đạt	---	---	---	---
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;

b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;

c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Với học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông 2006, nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thể hiện trong kế hoạch của tổ Lịch Sử - Địa lý - Giáo dục công dân và được thực hiện nghiêm túc trong các năm học [H5-5.1-06]. Ngoài ra còn lồng ghép trong nội dung giảng dạy văn minh thanh lịch, được thực hiện đầu các năm học [H5-5.3-01]. Với học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, nội dung giáo dục địa phương được lập kế hoạch đầu các năm học như các môn học khác, được giảng dạy theo bộ tài liệu “Giáo dục địa phương thành phố Hà Nội” [H5-5.3-02].

Trong quá trình dạy học nội dung giáo dục địa phương, giáo viên thực hiện kiểm tra, đánh giá học sinh bằng nhiều hình thức khác nhau: Giao bài tập nhóm cho học sinh tìm hiểu tại nhà, làm video, tổ chức các trò chơi, sân khấu hóa các tình huống, viết bài thu hoạch sau khi tìm hiểu thực tế để tạo hứng thú, không gây áp lực học tập căng thẳng cho học sinh. Thông qua các hình thức đó, giáo viên đánh giá kết quả học tập của học sinh khách quan, hiệu quả [H1-1.2-05].

Hàng năm, khi tổng kết năm học, nhà trường rà soát, đánh giá về nội dung giáo dục địa phương [H1-1.6-09]. Từ những đánh giá đó, phân công tổ/nhóm chuyên môn cập nhật các thông tin mới nhất về tình hình văn hóa, xã hội của địa phương đưa vào kế hoạch bài dạy để tăng tính thực tế, tính thời sự cho nội dung giảng dạy [H5-5.3-02].

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương đảm bảo gắn liền với mục tiêu của từng môn học và gắn liền với thực tiễn [H5-5.3-03]. Nhà trường đã tổ chức các chuyến đi thực tế nhằm giáo dục truyền thống văn hóa, lịch sử của thành phố Hà Nội, cho giáo viên và học sinh, tại khu di tích lịch sử K9 – Sơn Tây, Hoàng thành Thăng Long và đăng tải thông tin trên page nhà trường để lan tỏa trong cộng đồng các hình ảnh về văn hóa, lịch sử của địa phương [H4-4.2-03]. Qua đó giúp học sinh có những hiểu biết thực tế về quê hương, đất nước. Tuy nhiên, chưa tổ chức được nhiều chuyến đi thực tế cho học sinh.

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện nội dung giáo dục địa phương lồng ghép trong các môn học Lịch sử, Địa lí, gắn liền việc học đi đôi với hành; tổ chức học tập thực tế cho học sinh ở một số di tích lịch sử, văn hóa tại địa phương.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa tổ chức nhiều chuyến đi học tập thực tế tại địa phương cho học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Tổ chức nhiều chuyến học tập thực tế cho học sinh tại Hà Nội	Năm học 2024 - 2025	Hiệu trưởng chỉ đạo; giáo viên, nhân viên thực hiện; ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp	Có sự đồng thuận, nhất trí của cha mẹ học sinh

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	---	---
b	Đạt	---	---	---	---
c	Đạt	---	---	---	---
Đạt		Đạt			

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Đầu mỗi năm học, hiệu trưởng nhà trường phân công một đồng chí phó hiệu trưởng phụ trách hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch theo đúng các quy định của Bộ GD&ĐT, Sở GD&ĐT Hà Nội và phù hợp với tình hình thực tế nhà trường [H1-1.4-11]. Phối hợp với Ban đại diện CMHS, nhà trường xây dựng kế hoạch cho học sinh cả 3 khối trải nghiệm ngoài nhà trường 1 lần/năm học; xây dựng kế hoạch đưa học sinh khối 12 tham gia Ngày hội hướng nghiệp tại các trường đại học để nắm bắt thông tin, định hướng nghề nghiệp cho bản thân [H5-5.4-01].

Các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp được tổ chức thực hiện theo kế hoạch. Có khi là các hoạt động trong nhà trường qua các giờ học văn hóa, các giờ sinh hoạt tập thể, các diễn đàn của thanh niên, đoàn viên [H5-5.4-02]. Có khi là các hoạt động ngoài nhà trường, như: dâng hương và tham quan tại bảo tàng đường mòn Hồ Chí Minh, trải nghiệm “Một ngày làm chiến sỹ” tại Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Cảnh sát biển, “Hành trình di sản” tại Hoàng thành Thăng Long, “Tìm hiểu văn hóa các dân tộc” tại Mai Châu – Hòa Bình [H1-1.4-12]. Thông qua các hoạt động đó, học sinh thích ứng với cuộc sống; phát triển năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp. Tuy nhiên, chưa tổ chức được nhiều các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chung cho học sinh toàn trường.

Để các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đạt mục tiêu và an toàn, hiệu quả, nhà trường phân công nhiệm vụ cho giáo viên và nhân viên phụ trách các mảng công việc, trên cơ sở năng lực chuyên môn, tổ chức và quản lý [H1-1.4-11]. Đồng thời huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh để phát huy cao độ mối quan hệ gia đình và nhà trường trong giáo dục [H4-4.2-03].

Mức 2:

Các hoạt động trải nghiệm của học sinh được thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú: Học sinh tham gia vào các hoạt động học tập trong giờ học, hoạt động giáo dục tập thể, tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, tham gia các hoạt động tập thể ngoài nhà trường, như các chương trình: Festival tiếng Anh, diễn đàn “Khi tôi 18”, sân khấu hóa các tác phẩm văn học, nhập vai cựu chiến binh kể chuyện lịch sử, phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật [H4-4.2-03]. Thông qua các hoạt động này giáo dục các kỹ năng sống cho học sinh. Nhà trường còn phối hợp với các trường Đại học truyền thông về công tác hướng nghiệp để học sinh và cha mẹ học sinh định hướng nghề nghiệp sau khi các em tốt nghiệp THPT. Phối hợp với trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên Hà Tây tổ chức hoạt động dạy nghề nấu ăn cho 100% học sinh khối 11 [H5-5.4-03] giúp các em đủ điều kiện thi lấy chứng chỉ nghề phổ thông.

Sau các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp nhà trường tổ chức rút kinh nghiệm, biểu dương những mặt tích cực và những tồn tại cần khắc phục để nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc và đạt mục tiêu giáo dục của nhà trường [H1-1.8-04] đồng thời khen thưởng với các học sinh, các tập thể lớp đạt kết quả cao trong tham gia các hoạt động [H2-2.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh theo đúng kế hoạch đề ra với nhiều hình thức phong phú.

3. Điểm yếu

Chưa tổ chức được nhiều các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chung cho học sinh toàn trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp chung	Năm học 2024 - 2025	Phó hiệu trưởng phụ trách hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp chỉ đạo; giáo viên, nhân	- Có sự đồng thuận, nhất trí của cha mẹ học sinh - Có không gian rộng đảm bảo tổ chức hoạt

cho học sinh toàn trường		viên thực hiện; ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp	động cho học sinh toàn trường
--------------------------	--	---	-------------------------------

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	---	---
b	Đạt	b	Đạt	---	---
c	Đạt	---	---	---	---
Đạt		Đạt			

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường xây dựng các kế hoạch: giảng dạy nếp sống văn minh thanh lịch, trải nghiệm, hướng nghiệp, tuyên truyền giáo dục pháp luật nhằm định hướng giáo dục cho học sinh, giúp hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi, khả năng tiếp thu, nhận thức của học sinh, phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương [H1-1.4-11], [H4-4.2-08].

Qua các môn học hàng ngày, các hoạt động ngoài giờ lên lớp nhà trường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Tổ chức các buổi tuyên truyền pháp luật để trang bị những kiến thức pháp luật có liên quan đến đời sống, học tập của học sinh góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật [H4-4.2-03]. Tổ chức tuyên truyền phòng chống thiên tai, kỹ năng phòng chống đuối nước, kỹ năng phòng cháy chữa cháy, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống dịch bệnh giúp học sinh tích lũy kỹ năng sống. Từ đó, các em có nhận thức đúng về các mối quan hệ, có hành động, ứng xử đúng mực trong sinh hoạt và đời sống.

Thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm hướng nghiệp, dạy kỹ năng sống theo chủ đề, các hoạt động quyên góp, ủng hộ giúp đỡ các vùng thiên tai, bão lụt, học sinh có hoàn cảnh khó khăn đã giúp học sinh nhà trường hình thành và phát triển tinh thần đoàn kết, gắn bó, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, nỗ lực tiếp thu bài giảng và tìm tòi những kiến thức liên quan đến bài học để liên hệ áp dụng vào thực tiễn, qua đó phát huy tình cảm thái độ ứng xử của học sinh phù hợp với truyền thống văn hóa Hà Nội, thực hiện đúng các quy định của pháp luật [H1-1.2-05].

Mức 2:

Trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học, giáo viên hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện của bản thân, nhận xét các bạn trong nhóm, trong lớp [H5-5.1-04]. Các em được tham gia nhận xét, đánh giá sản phẩm học tập trong tiết học, hạnh kiểm của bản thân và các bạn cùng lớp hằng tháng và cuối mỗi học kỳ. Qua các hoạt động đó, các em chủ động, tích cực hơn trong học tập và rèn luyện [H1-1.5-02].

Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển. Học sinh biết cách giao tiếp ứng xử, biết điều chỉnh, quản lý cảm xúc trong môi trường học đường, với gia đình, ngoài xã hội. Học sinh biết giúp đỡ lẫn nhau, biết quản lý cảm xúc và vượt qua áp lực, biết cách tự phòng, chống tai nạn giao thông, phòng chống ma túy và các tai nạn thương tích, giữ gìn

vệ sinh môi trường, có những hiểu biết cần thiết về sức khỏe sinh sản vị thành niên, có thể tự phục vụ bản thân trong cuộc sống, biết quản lý thời gian học tập và sinh hoạt có hiệu quả [H1-1.2-05].

Mức 3

Học sinh bước đầu có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn [H5-5.5-01]. Tuy nhiên tỉ lệ học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ còn thấp.

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục nhằm định hướng cho học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống. Học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và bước đầu có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học chỉ dẫn.

3. Điểm yếu

Tỉ lệ học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ còn thấp.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Nâng tỉ lệ học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chỉ dẫn của chuyên gia	Năm học 2024 - 2025	Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn, các tổ chuyên môn, giáo viên, học sinh.	- Sự ủng hộ của cha mẹ học sinh, học sinh. - Có giáo viên, học sinh say mê nghiên cứu khoa học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3.

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	---	---

c	Đạt	---	---	---	---
Đạt		Đạt		Đạt	

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*
- c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*
- b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

- a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*
 - *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường THPT (hoặc cấp THPT) và 20% đối với trường chuyên;*
 - *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường THPT (hoặc cấp THPT) và 25% đối với trường chuyên;*
 - *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường THPT (hoặc cấp THPT) và 55% đối với trường chuyên;*
 - *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường THPT (hoặc cấp THPT) và 60% đối với trường chuyên;*

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường THPT (hoặc cấp THPT), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường THPT (hoặc cấp THPT), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường THPT (hoặc cấp THPT) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong 5 năm liên tiếp từ 2019 - 2020 đến 2023 – 2024 kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh luôn đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.2-05], [H1-1.8-01].

Trong 5 năm liên tiếp từ 2019 - 2020 đến 2023 – 2024 tỉ lệ học sinh lên lớp và học sinh tốt nghiệp ra trường luôn đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường [H1-1.2-05], [H1-1.8-01]. Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp lớp 12 luôn đạt trên 99%.

Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018, nhà trường triển khai định hướng phân luồng cho học sinh ngay từ đầu lớp 10 bằng cách cho học sinh đăng ký học theo các môn học lựa chọn [H5-5.6-01]. Cuối mỗi năm học, học sinh được đổi nguyện vọng, nếu có nhu cầu, để các em được học tập phù hợp với năng lực. Nhà trường chú trọng công tác tư vấn hướng nghiệp cho học sinh, góp phần phân luồng và chuẩn bị cho học sinh cuối cấp lựa chọn ngành nghề, tiếp tục theo

học sau bậc phổ thông hoặc tham gia vào cuộc sống lao động phù hợp với năng lực của bản thân, điều kiện gia đình và nhu cầu xã hội [H5-5.4-01].

Mức 2:

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực tăng dần trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá [H1-1.2-05]. Cụ thể:

Năm học	Tổng số HS	HỌC LỰC %				HẠNH KIỂM %			
		G	K	TB	Y	T	K	TB	Y
19-20	1512	55.03	43.78	1.06	0	93.12	6.75	0.13	0
20-21	1786	62.35	36.69	0.67	0	94.57	4.25	0.11	0.06
21-22	1861	67.67	31.9	0.38	0.05	93.2	4.25	0.05	0.16

Đánh giá theo thông tư 58

Năm học	Tổng số HS	Học lực (%)				Hạnh kiểm (%)			
		G	K	TB	Y	T	K	TB	Y
22-23	1293	88.63	11.21	0.15		96.8	3.17		0
23-24	655	99.24	0.61	0.15		99.38	0.46	0.15	

Đánh giá theo thông tư 22

Năm học	Tổng số HS	Kết quả học tập (%)				Kết quả rèn luyện (%)			
		Tốt	Khá	Đạt	CD	Tốt	Khá	Đạt	CD
22-23	685	81.31	18.54	0.15		95.04	4.96		
23-24	1473	95.99	3.94	0.07		98.8	1.09		0.07

Trong 05 năm qua, tỷ lệ học sinh lên lớp được duy trì ở mức 100%. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp hằng năm đều đạt hơn 99% [H1-1.2-05].

Mức 3:

Tỷ lệ học sinh đạt học lực giỏi và hạnh kiểm tốt đạt trên 50% và tăng dần theo mỗi năm học [H1-1.2-05], tuy nhiên còn học sinh yếu về học lực, hạnh kiểm.

Trong 5 năm gần đây, nhà trường không có học sinh lưu ban nhưng còn học sinh bỏ học. Tỷ lệ học sinh bỏ học dưới 0,1% [H5-5.6-02].

2. Điểm mạnh

Từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực giỏi và hạnh kiểm tốt của nhà trường đều được duy trì và có xu hướng tăng dần; không có học sinh lưu ban, tỷ lệ học sinh bỏ học dưới 0,1%.

3. Điểm yếu

Nhà trường vẫn còn học sinh xếp loại học lực yếu, hạnh kiểm yếu và còn học sinh bỏ học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
- Tuyên truyền giáo dục pháp luật, kỹ năng sống, tạo sân chơi lành mạnh để hạn chế học sinh bỏ học. - Phát hiện sớm, bồi dưỡng cho học sinh yếu về học lực.	Năm học 2024 - 2025	Hội đồng giáo dục nhà trường	- Có sự phối hợp của cha mẹ học sinh

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	---	---	---	---

Đạt	Đạt	Đạt
-----	-----	-----

Kết luận về Tiêu chuẩn 5

Nhà trường đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nội dung, chương trình giáo dục phổ thông; chú trọng phối kết hợp với các tổ chức, đoàn thể để giáo dục pháp luật, giáo dục hướng nghiệp và trải nghiệm cho học sinh; tạo điều kiện cho học sinh có năng khiếu và các học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Kết quả xếp loại của học sinh về học lực và hạnh kiểm trong 5 năm trở lại đây có chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, vẫn còn hiện tượng học sinh bỏ học, còn học sinh yếu về học lực và hạnh kiểm. Hiện tượng này đã, đang được nhà trường tích cực tìm các biện pháp phù hợp để giảm thiểu tối đa.

Số lượng tiêu chí đạt mức 1	6/6	Đạt tỷ lệ 100%
Số lượng tiêu chí không đạt mức 1	0/6	Đạt tỷ lệ 0%
Số lượng tiêu chí đạt mức 2	6/6	Đạt tỷ lệ 100%
Số lượng tiêu chí không đạt mức 2	0/6	Đạt tỷ lệ 0%
Số lượng tiêu chí đạt mức 3	4/4	Đạt tỷ lệ 100%
Số lượng tiêu chí không đạt mức 3	0/4	Đạt tỷ lệ 0%

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1

Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.8-01].

2. Điểm mạnh

Không có

3. Điểm yếu

Kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục	Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo (dự kiến năm 2029)	Hiệu trưởng chủ trì, các tổ chuyên môn tham mưu, thực hiện	Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên được bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu của chương trình giáo dục tiên tiến

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2

Đảm bảo 100% cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn được giáo viên, nhân viên, tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS, Ban đại diện CMHS, cựu học sinh và học sinh động viên, giúp đỡ trong học tập và hỗ trợ trong các hoạt động giáo dục [H1-1.3-06], [H5-5.2-02]. Nhà trường đã tổ chức bồi dưỡng học sinh giỏi, huấn luyện học sinh có năng khiếu tham gia các giải thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ do các cấp có thẩm quyền tổ chức [H5-5.2-03]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có giáo viên, nhân viên được đào tạo chuyên ngành để đáp ứng được hết các yêu cầu cho số học sinh khuyết tật học hòa nhập ngày càng tăng theo các năm học.

2. Điểm mạnh:

Trường có học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa, thể dục thể thao cấp thành phố.

3. Điểm yếu:

Nhà trường chưa đáp ứng được hết các yêu cầu cho học sinh khuyết tật học hòa nhập.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Hoàn thành mục tiêu giáo dục với 100% học sinh có hoàn cảnh khó khăn	Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo (dự kiến năm 2029)	Hiệu trưởng chỉ đạo, giáo viên, nhân viên thực hiện; các tổ chức đoàn thể, phối hợp	Có giáo viên, nhân viên được đào tạo chuyên ngành về giáo dục, chăm sóc trẻ khuyết tật học hòa nhập

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3

Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có HS tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn

đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có HS tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn, đạt giải Khuyến khích cấp thành phố [H5-5.5-01]. Tuy nhiên, số học sinh tham gia nghiên cứu khoa học chưa nhiều, chưa có đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh đạt giải cấp quốc gia.

2. Điểm mạnh

Trường có đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh đạt giải cấp thành phố.

3. Điểm yếu

Chưa có đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh đạt giải cấp quốc gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Bồi dưỡng năng lực nghiên cứu khoa học cho học sinh	Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo (dự kiến năm 2029)	Hiệu trưởng chỉ đạo, các tổ chuyên môn thực hiện	- Có giáo viên, học sinh đam mê nghiên cứu khoa học - Cha mẹ học sinh phối hợp, hỗ trợ kinh phí

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4

Thư viện có hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện của trường có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống

và tài liệu số cơ bản đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường [H3-3.6-04]. Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

2. Điểm mạnh

Thư viện của trường có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường

3. Điểm yếu:

Thư viện chưa có hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Trang cấp cho thư viện hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế	Chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo (dự kiến năm 2029)	Hiệu trưởng chỉ đạo; tổ văn phòng thực hiện	Có sự đầu tư kinh phí của Sở GD&ĐT Hà Nội

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm từ 2019 – 2020 đến thời điểm tự đánh giá nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu trong chiến lược phát triển giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030 [H1-1.1-01]. Tuy nhiên, còn có kết quả đạt được trong hoạt động của nhà trường chưa có trong chiến lược vì chưa xây dựng chiến lược theo phương hướng của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2. Điểm mạnh

Nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu trong chiến lược phát triển giai

đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030

3. Điểm yếu

Nhiều kết quả đạt được trong hoạt động của nhà trường chưa có trong chiến lược vì chưa xây dựng chiến lược theo phương hướng của chương trình giáo dục phổ thông 2018.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nội dung	Thời gian thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Xây dựng chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025 – 2030, tầm nhìn 2035 phù hợp với các yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018	Năm học 2024 - 2025	Hội đồng trường	Có nghị quyết nhiệm kỳ 2025 – 2030 của Đảng bộ nhà trường

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Trong 05 năm từ 2019 – 2020 đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có kết quả giáo dục vượt chỉ tiêu kế hoạch, có học sinh đạt giải cấp thành phố trong các kỳ thi học sinh giỏi, thể dục thể thao, nghiên cứu khoa học. Năm học 2022 – 2023 và 2023 – 2024 được xếp loại Tập thể lao động xuất sắc [H1-1.8-06]. Tuy vậy, một số hoạt động của nhà trường chưa có sự vượt trội so với các trường trung học phổ thông công lập trên địa bàn quận Hà Đông.

2. Điểm mạnh

Trong 05 năm từ 2019 – 2020 đến thời điểm tự đánh giá nhà trường có 2 năm được xếp loại Tập thể lao động xuất sắc.

3. Điểm yếu

Một số hoạt động của nhà trường chưa có sự vượt trội so với các trường trung học phổ thông công lập trên địa bàn quận Hà Đông.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Nội dung	Thời gian thực hiện	Nhân lực thực hiện	Điều kiện đảm bảo (nếu có)
Tiếp tục có giáo viên đạt giải trong Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp thành phố	Từ năm học 2024 - 2025	Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn chỉ đạo; các tổ chuyên môn phối hợp	Duy trì nhóm nhà giáo cùng nhau phát triển; Tiếp tục tổ chức thi giáo viên giỏi cấp trường để lựa chọn nhân tố
Tăng số giải cao trong kỳ thi học sinh giỏi cấp thành phố			Chọn đội tuyển HS giỏi của trường đầu năm học; phân công các giáo viên có kinh nghiệm bồi dưỡng trong suốt năm học

5. Tự đánh giá: Không đạt

Kết luận về các tiêu chí mức 4

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành các mục tiêu theo Phương hướng, chiến lược phát triển giai đoạn 2020 -2025 tầm nhìn đến năm 2030. Nhà trường có đề tài nghiên cứu khoa học của học sinh, có học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi các môn văn hóa cấp thành phố. Nhà trường có 2 năm học được xếp loại Tập thể lao động xuất sắc. Tuy nhiên, kế hoạch giáo dục của nhà trường chưa có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới; thư viện chưa có hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế; còn học sinh khuyết tật học hòa nhập chưa thực hiện được mục tiêu giáo dục cá nhân; chưa có nhiều hoạt động vượt trội so với các trường trung học phổ thông công lập trên địa bàn quận Hà Đông. Nhà trường sẽ nỗ lực cố gắng khắc phục các tồn tại này trong chu kỳ kiểm định giáo dục tiếp theo.

Số lượng tiêu chí đạt: 2/6 Đạt tỷ lệ 33%

Số lượng tiêu chí không đạt 4/6 Đạt tỷ lệ 67%

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 28/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100 %;
- + Số lượng tiêu chí không đạt: 0/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0 %;

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 28 /28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100 %;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/28 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0 %;

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 11/20 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 55 %;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 09/20 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 45 %;

- Mức 4:

- + Số lượng tiêu chí đạt 02/06 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 33 %;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 04/06 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 67 %;

- Mức đánh giá của trường: Mức 2

- Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 2.

Hà Đông, ngày 14 tháng 6 năm 2024

TM. Hội đồng Tự đánh giá
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Đào Ngọc Sỹ

PHỤ LỤC
BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường 2020 – 2025 tầm nhìn 2030	2019	Sở GD&ĐT Hà Nội phê duyệt	
	2	[H1-1.1-02]	Tờ trình đề nghị phê duyệt chiến lược	2019	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H1-1.1-03]	Hình ảnh công khai Chiến lược tại nhà trường	2016	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Quyết định công nhận Hội đồng trường	2020	Sở GD&ĐT Hà Nội	
	2	[H1-1.2-02]	Quyết định thành lập các hội đồng trong các năm học	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	

	3	[H1-1.2-03]	Biên bản họp Hội đồng trường	2015 - 2019	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	4	[H1-1.2-04]	Biên bản họp của các hội đồng tư vấn	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	5	[H1-1.2-05]	Kết quả Học lực và Hạnh kiểm của học sinh	Từ 2019-2020 đến 2023-2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	6	[H1-1.2-06]	Giấy khen của GV & HS từ cấp Cụm trở lên	Từ 2019-2020 đến 2023-2024	Cụm trường THPT Hà Đông- Hoài Đức, Sở GD&ĐT Hà Nội	
Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Quyết định về việc công nhận BCHCD	2023	BCHCD ngành Giáo dục Hà Nội	
	2	[H1-1.3-02]	Quyết định về việc công nhận BCH Đoàn TNCS	Từ 2019-2020 đến 2023-2024	BCH Đoàn TNCS quận Hà Đông	
	3	[H1-1.3-03]	Quyết định về việc công nhận BCH Hội chữ thập đỏ	2023	BCH hội Chữ thập đỏ quận Hà Đông	
	4	[H1-1.3-04]	Biên bản họp Công đoàn	Nhiệm kỳ 2023	CD trường THPT Trần	

				- 2028	Hưng Đạo – Hà Đông	
	5	[H1-1.3-05]	Biên bản họp Đoàn TNCS	Từ 2019-2020 đến 2023-2024	Đoàn TNCS trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	6	[H1-1.3-06]	Các hình ảnh, số liệu hoạt động của hội Chữ thập đỏ	Nhiệm kỳ 2023 - 2028	Hội Chữ thập đỏ trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	7	[H1-1.3-07]	Báo cáo tổng kết theo năm học của các tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS	Từ 2019-2020 đến 2023-2024	CD, Đoàn TNCS trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	8	[H1-1.3-08]	Quyết định chuyển chi bộ cơ sở thành đảng bộ cơ sở	Năm 2021	Đảng bộ quận Hà Đông	
	9	[H1-1.3-09]	Quyết định chuẩn y cấp ủy các chi bộ	Năm 2021	Đảng bộ trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	10	[H1-1.3-10]	Chứng nhận Tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ	Từ 2019 đến 2023	Đảng bộ quận Hà Đông	

	11	[H1-1.3-11]	Giấy khen của Công đoàn, Đoàn TNCS, Hội Chữ thập đỏ	Từ 2019-2020 đến 2023-2024	CD, Đoàn TNCS trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng	2020	UBND thành phố Hà Nội	
	2	[H1-1.4-02]	Quyết định bổ nhiệm các Phó Hiệu trưởng	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Sở GD&ĐT Hà Nội	
	3	[H1-1.4-03]	Danh sách tổ chuyên môn các năm	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	4	[H1-1.4-04]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó hằng năm	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	5	[H1-1.4-05]	Kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn, tổ văn phòng	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	6	[H1-1.4-06]	Đánh giá xếp loại viên chức hằng tháng	Từ 2021 đến 5-2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	7	[H1-1.4-07]	Biên bản đề xuất chọn SGK của	Từ 2022 đến	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	

			các năm học	2024	Đạo – Hà Đông	
	8	[H1-1.4-08]	BB kiểm kê tài sản hằng năm	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	9	[H1-1.4-09]	Kế hoạch chuyên đề các tổ chuyên môn	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	10	[H1-1.4-10]	Biên bản họp tổ CM, tổ VP	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	11	[H1-1.4-11]	Kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm hướng nghiệp	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	12	[H1-1.4-12]	Hình ảnh các hoạt động ngoài giờ lên lớp, trải nghiệm hướng nghiệp	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	13	[H1-1.4-13]	Các quyết định duyệt điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp 10	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Sở GD&ĐT Hà Nội	
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Danh sách học sinh các khối lớp	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	

	2	[H1-1.5-02]	Sổ chủ nhiệm	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H1-1.5-03]	Hình ảnh các giờ Sinh hoạt lớp	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	4	[H1-1.5-04]	Sổ điểm	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Sổ lưu trữ công văn đi, đến	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	2	[H1-1.6-02]	Sổ quản lý tài sản, thiết bị giáo dục	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H1-1.6-03]	Quy chế chi tiêu nội bộ	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	4	[H1-1.6-04]	Hồ sơ của Thư viện	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	5	[H1-1.6-05]	Hồ sơ của phòng Y tế	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	

	6	[H1-1.6-06]	Hình ảnh 3 công khai trên trang Web nhà trường	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	7	[H1-1.6-07]	Quy chế sử dụng tài sản công	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	8	[H1-1.6-08]	Phê duyệt dự toán, quyết toán hằng năm	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Sở GD&ĐT Hà Nội	
	9	[H1-1.6-09]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của nhà trường	Từ 2019 – 2020 đến 2023 - 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	10	[H1-1.6-10]	Các phần mềm quản lý đang sử dụng tại trường	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	11	[H1-1.6-11]	Các kết luận kiểm tra của phòng Tài vụ Sở GD	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	12	[H1-1.6-12]	Hình ảnh đón nhận quà tặng của CMHS, cựu học sinh	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	

			nhân viên			
	2	[H1-1.7-02]	Báo cáo tự bồi dưỡng chuyên môn của cá nhân	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H1-1.7-03]	Quy chế làm việc	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	4	[H1-1.7-04]	Phân công chuyên môn hằng năm	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	5	[H1-1.7-05]	Thời khóa biểu	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	6	[H1-1.7-06]	Hợp đồng kiểm tra sức khỏe cho giáo viên, nhân viên	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	7	[H1-1.7-07]	Bảng lương hằng tháng	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	8	[H1-1.7-08]	Hình ảnh Hội nghị viên chức	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	9	[H1-1.7-09]	Quyết định khen thưởng giáo	2019- 2020 đến	Trường THPT Trần Hưng	

			viên	2023- 2024	Đạo – Hà Đông	
	10	[H1-1.7-10]	Hình ảnh đưa tin biểu dương giáo viên trên page nhà trường	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Kế hoạch năm học; Kế hoạch giáo dục	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	2	[H1-1.8-02]	Hồ sơ dạy nghề phổ thông	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H1-1.8-03]	Kế hoạch hoạt động theo tháng	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	4	[H1-1.8-04]	Biên bản họp cán bộ chủ chốt hằng tháng	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	5	[H1-1.8-05]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	6	[H1-1.8-06]	Giấy khen của nhà trường, tổ chuyên môn	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí	1	[H1-1.9-01]	Quy chế dân chủ tại cơ sở	2019- 2020 đến	Trường THPT Trần Hưng	

1.9				2023- 2024	Đạo – Hà Đông	
	2	[H1-1.9-02]	Biên bản Hội nghị viên chức	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H1-1.9-03]	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ tại cơ sở	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	4	[H1-1.9-04]	Báo cáo hằng năm của Thanh tra nhân dân trong Hội nghị viên chức	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	KH đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; vệ sinh an toàn thực phẩm	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	2	[H1-1.10-02]	Cam kết thực hiện an toàn giao thông & các quy định của pháp luật	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H1-1.10-03]	Hình ảnh hộp thư góp ý	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	4	[H1-1.10-04]	Hình ảnh trang Zalo, Page của	2019- 2020 đến	Trường THPT Trần Hưng	

			nhà trường	2023- 2024	Đạo – Hà Đông	
	5	[H1-1.10-05]	Hình ảnh tập huấn kỹ năng PCCC, cứu nạn, cứu hộ cho GV, HS	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	6	[H1-1.10-06]	Biên bản họp giáo viên chủ nhiệm	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	7	[H1-1.10-07]	Tiêu chí chấm điểm thi đua tập thể lớp của Đoàn TNCS	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 2.1	1	[H2-2.1-01]	Quyết định tuyển dụng chính thức vào ngạch GV THPT của hiệu trưởng; 2 phó hiệu trưởng	2019- 2020 đến 2023- 2024	Sở GD&ĐT Hà Nội	
	2	[H2-2.1-02]	Bằng thạc sĩ của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường ĐHSP Hà Nội; ĐH Thủ đô; Học viện Chính trị quân sự	
	3	[H2-2.1-03]	Phiếu đánh giá Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng	2019- 2020 đến 2023- 2024	Sở GD&ĐT Hà Nội; Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	

	4	[H2-2.1-04]	Các loại chứng chỉ, chứng nhận của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	2019- 2020 đến 2023- 2024	Sở GD&ĐT Hà Nội	
	5	[H2-2.1-05]	Phiếu đánh giá chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	2019- 2020 đến 2023- 2024	Sở GD&ĐT Hà Nội và Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	6	[H2-2.1-06]	Quyết định bổ nhiệm của hiệu trưởng, bổ nhiệm lại với 02 phó hiệu trưởng	2020; 2022, 2023	UBND thành phố Hà Nội; Sở GD&ĐT Hà Nội	
Tiêu chí 2.2	1	[H2-2.2-01]	Hồ sơ viên chức	2019- 2020 đến 2023- 2024	Sở GD&ĐT Hà Nội; Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	2	[H2-2.2-02]	Đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên, theo chu kỳ	2019- 2020 đến 2023- 2024	Sở GD&ĐT Hà Nội; Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H2-2.2-03].	Quyết định phân công và Giấy chứng nhận cho GV hướng dẫn nghiên cứu khoa học	2019- 2020 đến 2023- 2024	Sở GD&ĐT Hà Nội; Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	

	4	[H2-2.2-04]	Danh sách SKKN được xếp loại cấp ngành của GV nhà trường	2019- 2020 đến 2023- 2024	Sở GD&ĐT Hà Nội	
Tiêu chí 2.3	1	[H2-2.3-01]	Phân công nhiệm vụ cán bộ, giáo viên, nhân viên	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	2	[H2-2.3-04]	Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn của nhân viên	2019- 2020 đến 2023- 2024	Sở GD&ĐT Hà Nội	
Tiêu chí 2.4	1	[H2-2.4-01]	Hồ sơ quản lý học sinh trên CSDL	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	2	[H2-2.4-02]	Danh sách học sinh chuyển trường, đi, đến	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H2-2.4-03]	Hồ sơ kiểm tra sức khỏe học sinh	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	4	[H2-2.4-04]	Danh sách học sinh được hưởng các chế độ chính sách	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	5	[H2-2.4-05]	Quyết định khen thưởng học sinh (cá nhân, tập thể) đạt thành tích trong học tập, thi đua, tham	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	

			gia các hoạt động			
	6	[H2-2.4-06]	Bài viết, hình ảnh vinh danh học sinh trên page	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 3.1	1	[H3-3.1-01]	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.	1985	UBND Tỉnh Hà Sơn Bình	
	2	[H3-3.1-02]	Hình ảnh cổng trường, khuôn viên nhà trường	2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H3-3.1-03]	Hình ảnh sân chơi, bãi tập	2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 3.2	1	[H3-3.2-01]	Sơ đồ của nhà trường	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	2	[H3-3.2-02]	Biên bản kiểm tra Y tế học đường	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trung tâm Y tế quận Hà Đông	
	3	[H3-3.2-03]	Hình ảnh phòng bộ môn.	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	

	4	[H3-3.2-04]	Hình ảnh phòng đoàn, phòng truyền thống, thư viện	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	5	[H3-3.2-05]	Hình ảnh khôi phục vụ học tập	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 3.3	1	[H3-3.3-01]	Hình ảnh khu đỗ xe giáo viên và học sinh	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	2	[H3-3.3-02]	Hóa đơn sửa chữa, thay thế trang thiết bị	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 3.4	1	[H3-3.4-01]	Hình ảnh các khu vệ sinh	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	2	[H3-3.4-02]	Hóa đơn trả tiền nước máy	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H3-3.4-03]	Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng nước	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	4	[H3-3.4-04]	Hợp đồng thu gom rác với Công ty môi trường đô thị	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	

	5	[H3-3.4-05]	Hình ảnh hệ thống thoát nước	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 3.5	1	[H3-3.5-01]	Biên bản bàn giao thiết bị trên phòng học	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	2	[H3-3.5-02]	Số liệu trên phần mềm quản lý tài sản	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H3-3.5-03]	Hóa đơn Internet	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	4	[H3-3.5-04]	Kế hoạch thi đồ dùng DH tự làm	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	5	[H3-3.5-05]	Hình ảnh đồ dùng dạy học tự làm	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	6	[H3-3.05-06]	Sổ đăng ký mượn, trả đồ dùng dạy học	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 3.6	1	[H3-3.6-01]	Biên bản kiểm tra công tác thư viện theo định kỳ	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	

	2	[H3-3.6-02]	Hình ảnh tuyên truyền, giới thiệu sách	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H3-3.6-03]	Hình ảnh quyên góp sách	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	4	[H3-3.6-04]	Quyết định công nhận thư viện đạt chuẩn	2019- 2020 đến 2023- 2024	Sở GD&ĐT Hà Nội	
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Biên bản các cuộc họp Hội CMHS	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	2	[H4-4.1-02]	Hình ảnh Hội nghị Ban đại diện CMHS	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H4-4.1-03]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện CMHS	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	4	[H4-4.1-03]	Hình ảnh ban đại diện CMHS khen thưởng học sinh	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Các hình ảnh phối hợp với chính quyền, cơ quan công an, quân sự	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	

			tuyên truyền, giáo dục			
	2	[H4-4.2-02]	Hình ảnh phối hợp với Đoàn phường	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H4-4.2-03]	Đường link page của nhà trường	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	4	[H4-4.2-04]	Quyết định thành lập đội giao thông an toàn	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	5	[H4-4.2-05]	Hình ảnh về hoạt động giáo dục truyền thống lịch sử	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	6	[H4-4.2-06]	Hình ảnh về hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, trò chơi dân gian	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	7	[H4-4.2-07]	Hình ảnh về hoạt động chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	8	[H4-4.2-08]	Kế hoạch tổ chức hội thi tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	

	9	[H4-4.2-09]	Hình ảnh trao Giấy khen “Học sinh 3 tốt” của Đoàn TNCS quận Hà Đông tại nhà trường	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Sổ báo giảng	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	2	[H5-5.1-02]	Hình ảnh các giờ dạy ứng dụng phương pháp dạy học tích cực	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H5-5.1-03]	Kế hoạch kiểm tra học kỳ chung toàn trường	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	4	[H5-5.1-04]	Sổ dự giờ	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	5	[H5-5.1-05]	Sổ sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	6	[H5-5.1-06]	Kế hoạch dạy học của các tổ, nhóm chuyên môn	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	7	[H5-5.1-07]	Quyết định phân công giáo viên bồi dưỡng đội tuyển học sinh	2019- 2020 đến	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	

			giỏi	2023- 2024	Đạo – Hà Đông	
	8	[H5-5.1-08]	Hình ảnh hoạt động các câu lạc bộ trên page Đoàn trường	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Hình ảnh hoạt động của các CLB	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	2	[H5-5.2-02]	Bản đăng ký Nhà giáo Hà Nội giúp đỡ học sinh có hoàn cảnh khó khăn	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H5-5.2-03]	Giấy khen của HS đạt giải cấp thành phố	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Sổ ghi đầu bài	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	2	[H5-5.3-02]	Kế hoạch dạy học Giáo dục địa phương	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H5-5.3-03]	1 số giáo án dạy nội dung Giáo dục địa phương	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí	1	[H5-5.4-01]	Hình ảnh học sinh tham gia	2019- 2020 đến	Trường THPT Trần Hưng	

5.4			Ngày hội hướng nghiệp	2023- 2024	Đạo – Hà Đông	
	2	[H5-5.4-02]	Kế hoạch sinh hoạt dưới cờ của Đoàn TNCS	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	3	[H5-5.4-03]	Kế hoạch dạy nghề phổ thông, hồ sơ dạy nghề phổ thông	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 5.5	1	[H5-5.5-01]	Giấy khen học sinh đạt giải nghiên cứu khoa học	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
Tiêu chí 5.6	1	[H5-5.6-01]	Mẫu đơn đăng ký nhập học vào lớp 10 trên web, page	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	
	2	[H5-5.6-02]	Số liệu thống kê hằng năm trên cơ sở dữ liệu	2019- 2020 đến 2023- 2024	Trường THPT Trần Hưng Đạo – Hà Đông	